

Số: 25 /BC-CTTLĐT

Đông Triều, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**BÁO CÁO**  
**MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026**

*Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh số 68/2025/QH15, ngày 14/6/2025;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14, ngày 19/7/2017;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện Chủ sở hữu nhà nước.*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 87/2015/NĐ-CP, ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; số 32/2018/NĐ-CP, ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP, ngày 13/10/2015 của Chính phủ; số 140/2020/NĐ-CP, ngày 30/11/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, ngày 16/11/2017; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ; số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện Chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp*

*Căn cứ Thông tư số 200/2015/TT-BTC, ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 77/2021/TT-BTC, ngày 17/9/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2015/TT-BTC, ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;*



*Căn cứ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh: Số 3966/QĐ-UBND ngày 19/10/2020 về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh; số 32/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 về việc quy định định mức kinh tế - kỹ thuật trong công tác quản lý, khai thác bảo vệ công trình thủy lợi của 03 Công ty TNHH một thành viên Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập và Miền Đông; số 3526/QĐ-UBND ngày 02/12/2022 về việc phê duyệt Đề án cơ cấu lại Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh giai đoạn 2021-2025; số 442/QĐ-UBND ngày 21/02/2025 quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh;*

*Căn cứ vào Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty, Hợp đồng đặt hàng số 01/2025/HĐ-KT ngày 01/4/2025 được ký giữa Sở Nông nghiệp & Môi trường Quảng Ninh với Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều, kèm theo Phương án đặt hàng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh phê duyệt tại Quyết định số 963/QĐ-UBND ngày 28/3/2025;*

Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh báo cáo Sở Tài chính Quảng Ninh về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty, nội dung cụ thể như sau:

## **I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH**

### **1. Mục tiêu tổng quát.**

Nâng cao hiệu quả trong quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đảm bảo đáp ứng đầy đủ nguồn nước phục vụ phát triển cho sản xuất nông nghiệp và cho các thành phần kinh tế trên địa bàn 05 phường gồm Phường Đông Triều, An Sinh, Bình Khê, Mạo Khê và Hoàng Quế; nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Coi trọng chiến lược phát triển thủy lợi nhằm phục vụ tối đa cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nước sinh hoạt, công nghiệp, chăn nuôi, du lịch và dân sinh kinh tế ... Đảm bảo an ninh, ổn định nguồn nước trước sức ép gia tăng dân số, ô nhiễm môi trường, những biến đổi bất lợi của thời tiết, nâng cao đời sống của nhân dân hưởng lợi từ các công trình thủy lợi, duy trì và cải thiện môi trường sinh thái, góp phần chống hạn hán vào mùa khô và chống ngập lụt trong mùa mưa.

Tập trung các nguồn vốn để đầu tư sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi theo hướng đồng bộ, hiệu quả và an toàn công trình thủy lợi. Bảo toàn và phát triển nguồn vốn đại diện chủ sở hữu giao, tăng hiệu quả hoạt động và doanh thu hàng năm của Công ty; góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho toàn thể người lao động trong Công ty. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; quyết liệt phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao và Nghị quyết của Đảng ủy Công ty về phương hướng, nhiệm vụ năm 2026.



Tổ chức triển khai, thực hiện sắp xếp 03 Công ty TNHH MTV Thủy lợi Miền Đông, Yên Lập và Đông Triều thành Công ty TNHH MTV Thủy lợi 100% vốn nhà nước theo đúng chủ trương của Nhà nước và UBND tỉnh, bảo đảm quá trình sắp xếp không ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của đơn vị, cũng như tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Công ty trong việc tham mưu giúp chính quyền địa phương về phương diện kỹ thuật thủy lợi nhằm phát huy hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi do địa phương quản lý, đồng thời đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi trong mùa mưa bão.

Xây dựng Đảng bộ, các Chi bộ trực thuộc Đảng bộ và các đoàn thể của Công ty luôn đạt trong sạch, vững mạnh; bám sát nhiệm vụ chính trị của đơn vị để phát động các phong trào thi đua trong lao động sản xuất, đẩy mạnh phong trào văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao.

## **2. Nhiệm vụ kế hoạch.**

Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thủy lợi Đông Triều (viết tắt là Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều) là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh làm cơ quan đại diện chủ sở hữu. Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao quản lý, khai thác 21 hồ đập lớn, vừa và nhỏ, với tổng dung tích trữ nước khoảng 35,5 triệu m<sup>3</sup>; 06 trạm bơm tưới, có 18 tổ máy với tổng lưu lượng bơm tưới là 15.376 m<sup>3</sup>/h; 05 trạm bơm tiêu, có 35 tổ máy với tổng lưu lượng bơm tiêu là 149.700 m<sup>3</sup>/h; 01 cống tiêu dưới đê; quản lý gần 137 km kênh tưới, tiêu các loại và các công trình trên kênh như: 20 cống lấy nước dưới đập, 02 cống tháo sâu, 10 cầu máng, 10 xi phông...; Hàng năm phục vụ cấp nước, tưới tiêu cho khoảng 6.054 ha diện tích gieo trồng, tiêu cho 3.869 ha diện tích lưu vực; phục vụ tưới, tiêu cho 05 phường và một số doanh nghiệp; cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp cho các đơn vị trên địa bàn; cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp cho các đơn vị trên địa bàn; góp phần quan trọng làm tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đồng thời góp phần phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển.

Căn cứ Định mức Kinh tế - Kỹ thuật đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021; Đề án cơ cấu lại doanh nghiệp giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3526/QĐ-UBND ngày 02/12/2022. Đề án an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 06/4/2023. Để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trong kế hoạch năm 2025, Công ty phải thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể:



### *2.1. Đối với công tác phòng chống lụt, bão:*

Trong năm 2026, Công ty xác định công tác phòng, chống thiên tai và bảo đảm an toàn công trình thủy lợi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Công ty xây dựng kế hoạch và đề ra các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn công trình thủy lợi, đảm bảo hoạt động hiệu quả trong mùa mưa bão. Tiến hành kiểm tra, bảo trì các hệ thống công trình thủy lợi và hệ thống thoát nước trước, trong và sau mùa mưa bão; từ đó xây dựng kế hoạch sửa chữa các hạng mục công trình xung yếu, xuống cấp, sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị các trạm bơm tiêu.

- Xây dựng phương án phòng chống lụt, bão năm 2026 đảm bảo phương châm “bốn tại chỗ”; xây dựng các kế hoạch cụ thể để ứng phó với từng cơn bão, áp thấp nhiệt đới và các đợt mưa lớn kéo dài.

- Chủ động trong công tác tiêu nước qua các cống dưới đê, cống tháo sâu, để đảm bảo tiêu nước đệm, tiêu úng khi cần thiết.

- Tăng cường công tác phối hợp với chính quyền địa phương, các đơn vị trong công tác tiêu úng, điều tiết nước, giảm ngập cục bộ và việc xử lý sự cố công trình, úng lụt xảy ra do mưa lớn, kéo dài; bão, áp thấp nhiệt đới...

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Công ty trong việc tham mưu giúp chính quyền địa phương về phương diện kỹ thuật thủy lợi nhằm phát huy hiệu quả hệ thống công trình thủy lợi do địa phương quản lý, bảo vệ sản xuất và dân sinh. Đồng thời đảm bảo an toàn hệ thống công trình thủy lợi trong mùa mưa bão.

### *2.2. Công tác quản lý nước:*

Năm 2026 là một năm được nhận định, đánh giá là năm tiếp tục có khí hậu thời tiết diễn biến phức tạp, cực đoan, khó lường Công ty tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý, vận hành các công trình thủy lợi được giao. Đảm bảo tích trữ đủ nguồn nước mặt tại các hồ chứa nước, các hệ thống kênh dẫn nước tại các trạm bơm tưới do Công ty quản lý để cung cấp đủ nước tưới cho 100% diện tích hợp đồng tưới tiêu giữa Công ty với các đơn vị, cá nhân dùng nước, điều phối nước, dẫn nước khoa học, hợp lý để đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ cho các đơn vị dùng nước. Nắm chắc đường bao tưới, lưu vực tiêu của các đơn vị dùng nước để tưới đúng, tưới đủ, tưới tiết kiệm và tiêu thoát nước kịp thời. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát công tác theo dẫn nước của các Cụm Thủy nông, nhất là các Cụm thủy nông quản lý các đập, hồ chứa nước.

Chủ động ứng phó với nguy cơ nắng nóng, hạn hán, thiếu nước năm 2026, xây dựng kế hoạch để triển khai các biện pháp ứng phó với nguy cơ nắng nóng, hạn hán thiếu nước tại các công trình thủy lợi do Công ty quản lý; thành lập Ban



chỉ huy, đối xung kích của Công ty về phòng chống hạn hán, thiếu nước; gửi văn bản đề nghị các Hợp tác xã SXKD dịch vụ nông nghiệp chủ động nạo vét, khơi thông hệ thống kênh tưới tiêu nội đồng, đắp bờ vùng, bờ thửa tránh thất thoát, lãng phí nước; chủ động tham mưu với chính quyền địa phương chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở những công trình xảy ra hạn hán, thiếu nước.

Tăng cường công tác dự báo, theo dõi diễn biến nguồn nước trên các hồ chứa, kênh mương và hệ thống công trình, kịp thời điều chỉnh phương án vận hành trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng yêu cầu tưới, tiêu cho sản xuất và dân sinh. Chủ động phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan trong việc phân phối và điều tiết nước, nhất là trong các giai đoạn khô hạn, thiếu nước hoặc khi xảy ra mưa lớn, bão, lũ. Thực hiện nghiêm các quy trình vận hành hồ chứa nước, đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giám sát, điều hành hệ thống thủy lợi.

Thường xuyên kiểm tra, quan trắc, phân tích đánh giá chất lượng nước tại các hồ, đập, sông suối để đảm bảo chất lượng nguồn nước khi cung cấp nước cho các đơn vị, hộ dùng nước; Ký hợp đồng đối với đơn vị kiểm định để thực hiện việc quan trắc, phân tích chất lượng nguồn nước tại các hồ chứa nước do Công ty quản lý năm 2026.

Phân đầu đảm bảo cung cấp đủ, kịp thời nguồn nước tưới, tiêu cho 100% diện tích được giao quản lý, góp phần ổn định sản xuất nông nghiệp, phòng chống thiên tai, hạn hán, úng ngập, bảo vệ môi trường sinh thái và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

### *2.3. Công tác quản lý diện tích:*

Công ty quản lý chặt chẽ diện tích được giao phục vụ tưới, tiêu theo hợp đồng đặt hàng, hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi; thực hiện điều tiết, phân phối nước hợp lý, đảm bảo công bằng, đúng quy trình kỹ thuật và đúng diện tích phục vụ.

Phối hợp với các Hợp tác xã SXKD dịch vụ nông nghiệp và UBND của 05 phường tổ chức kiểm tra, rà soát, cập nhật thường xuyên biến động, kịp thời điều chỉnh tăng, giảm diện tích tưới, tiêu của các đơn vị dùng nước; điều chỉnh bản đồ khu tưới, khu tiêu và sổ hộ dùng nước của các đơn vị dùng nước. Ký xác nhận diện tích tưới, tiêu nước với các Hợp tác xã SXKD dịch vụ nông nghiệp, Ủy ban nhân dân các phường, làm cơ sở trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thực hiện diện tích tưới nước, tiêu nước theo quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát diện tích tưới, tiêu của các đơn vị dùng nước để mở rộng diện tích tưới, tiêu.

- Đảm bảo hoàn thành và thực hiện tốt việc cung cấp nước tưới cho diện tích đất sản xuất nông nghiệp và tiêu thoát nước cho diện tích lưu vực khoảng 9.740,16 ha do Công ty phục vụ.



#### *2.4. Công tác quản lý công trình:*

- Chỉ đạo các phòng chức năng, các Cụm Thủy nông thường xuyên kiểm tra, bám sát các hệ thống công trình được giao quản lý. Yêu cầu cán bộ, người lao động phải nắm chắc hiện trạng công trình, thông số kỹ thuật, phạm vi bảo vệ công trình. Thường xuyên kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng, nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời những sự cố công trình, nhằm phục vụ tốt trong quá trình vận hành, khai thác, đảm bảo an toàn công trình trong mọi điều kiện thời tiết, đảm bảo công năng sử dụng và kéo dài tuổi thọ công trình. Tăng cường công tác bảo dưỡng, duy tu, sửa chữa định kỳ; bố trí hợp lý nguồn lực và kinh phí bảo trì công trình, ưu tiên các hạng mục quan trọng, có nguy cơ mất an toàn cao.

- Phối hợp chặt chẽ với các hợp tác xã, 05 phường trên địa bàn trong công tác bảo vệ các công trình thủy lợi, nhằm giảm thiểu các hành vi xây dựng, lấn chiếm hành lang bảo vệ, xả nước thải, đổ chất thải, rác thải...vào các hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý.

- Thường xuyên đo đạc, quan trắc, giám sát, kiểm tra, đánh giá chất lượng, an toàn công trình thủy lợi.

- Hoàn thiện hồ sơ, bản đồ hiện trạng xin giao đất và cắm mốc ranh giới hiện trạng giao đất đối với các công trình thủy lợi còn lại do Công ty quản lý.

- Tiếp tục cập nhật, điều chỉnh, bổ sung lập tờ khai đăng ký an toàn đập, hồ chứa; Xây dựng đề cương – Dự toán các nhiệm vụ theo Luật thủy lợi, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2019 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước như: Xây dựng phương án ứng phó với các tính huống khẩn cấp tại các hồ chứa; Kiểm định an toàn đập, hồ chứa; Xây dựng hệ thống giám sát tại các hồ chứa nước lớn do Công ty quản lý đề trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân các xã, phường trong việc quản lý, bảo vệ hành lang và các công trình thủy lợi do Công ty quản lý.

- Tăng cường công tác đảm bảo an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa bão, phối hợp với Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý, bảo vệ hành lang và các công trình thủy lợi của Công ty; phục vụ sản xuất nông nghiệp và bảo đảm an toàn công trình.

#### *2.5. Quản lý lao động:*

- Báo cáo tình hình sử dụng lao động, quỹ lương thực hiện của năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.

- Xây dựng quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động công ty; quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý công ty, gắn với kế hoạch sản xuất, kinh doanh.(căn cứ theo quy định tại Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và Kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước).



- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng vận hành, sửa chữa công trình, ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong công tác quản lý. Quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ trẻ, công nhân kỹ thuật lành nghề nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài của Công ty.

- Hoàn thiện về năng lực tối thiểu đối với tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác công trình thủy lợi theo yêu cầu của Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ, Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ. Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, bậc thợ cho lao động (lớp bồi dưỡng kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động, lớp quản lý an toàn hồ chứa...). Bố trí tăng cường số lượng người lao động trực vào mùa hè, đặc biệt là những ngày cuối tuần, ngày nghỉ lễ để phòng chống tai nạn đuối nước ở các công trình thủy lợi do Công ty quản lý.

- Thực hiện đầy đủ chế độ tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi hợp pháp khác cho người lao động. Đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên.

#### *2.6. Công tác quản lý kinh tế và chế độ, chính sách cho người lao động.*

- Xây dựng mục tiêu tổng quát, kế hoạch kinh doanh năm 2026 trình Sở Tài chính thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ. Đăng tải công khai thông tin trên trang Website của Bộ Tài chính; cơ quan đại diện Chủ sở hữu (UBND tỉnh Quảng Ninh) và trên trang Website của Công ty theo các nội dung tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ; công khai đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021; Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài chính gửi Bộ Tài chính và Sở Tài chính Quảng Ninh về báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (báo cáo tài chính theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính); báo cáo giám sát; báo cáo về thu nhập từ tiền công, tiền lương..., việc đăng tải thông tin được kịp thời, đúng quy định.

- Lập phương án giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi đối với công trình thủy lợi do Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh quản lý, khai thác năm 2026 trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, định giá.

- Xây dựng Phương án đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026 của Công ty và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở cho Công ty ký hợp đồng đặt hàng với Sở Nông nghiệp và Môi trường làm cơ sở để Công ty thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2026.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Hợp đồng đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2026 và nghiệm thu, thanh quyết toán kinh phí đặt hàng, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định hiện hành.



- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường để nghiệm thu, quyết toán, thanh lý hợp đồng đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 theo quy định.

- Xây dựng Kế hoạch tài chính năm 2027; kế hoạch tài chính 03 năm 2027-2029; xây dựng kế hoạch cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2026.

- Xây dựng phương án công tác quản lý vận hành, khai thác trạm bơm tưới Đầm Trũng năm 2027 gửi Công ty cổ phần 397.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện nội quy lao động, Quy chế quản lý tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quy chế chi trả tiền lương, thù lao và các khoản phụ cấp theo lương đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Ban điều hành và người lao động trong Công ty; Quy chế quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Quy chế quản lý, sử dụng công cụ, dụng cụ, đồ dùng sinh hoạt; Quy chế quản lý công nợ...;

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn được nhà nước giao.

- Đảm bảo chi trả kịp thời các chế độ, chính sách cho người lao động như: Lương, thưởng, phụ cấp, các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản quỹ huy động của cấp trên theo quy định. Tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác: Giữ ổn định mức lương bình quân của người lao động khoảng 13.500.000 đồng/người/tháng (bằng mức tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác của người lao động trong năm 2025).

- Trang bị đầy đủ Bảo hộ lao động; khám sức khỏe định kỳ; đảm bảo kinh phí đào tạo và đào tạo lại tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ; huấn luyện an toàn lao động- vệ sinh lao động... cho người lao động.

- Nộp đầy đủ và hoàn thành 100% các khoản thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Không để xảy ra tai nạn lao động; đảm bảo an toàn cho người và tài sản; 100% cán bộ công nhân viên - người lao động chấp hành tốt Nội quy, Quy chế khoán...của Công ty, pháp luật về an toàn giao thông khi tham gia giao thông, không để xảy ra tai nạn do chủ quan gây nên.

- Tham gia đóng góp và ủng hộ đầy đủ các quỹ như: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, bảo trợ trẻ em, quỹ phòng chống thiên tai...do tỉnh, các phường và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội phát động.

- Tổ chức kiểm kê tài sản, công cụ, dụng cụ, đồ dùng sinh hoạt và lập báo cáo xử lý theo quy định.



- Ký hợp đồng với Công ty Cổ phần 397 về công tác quản lý vận hành, khai thác trạm bơm tưới Đầm Trũng năm 2026 và nghiệm thu, thanh quyết toán đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

- Ký kết, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng cung cấp sản phẩm dịch vụ thủy lợi với các đơn vị dùng nước, hộ dùng nước theo đúng quy định.

- Đẩy mạnh việc khai thác các lợi thế của Công ty như: Tăng cường, phân phối với các đơn vị để tìm thêm công việc như: Tư vấn khảo sát, thiết kế giám sát cho các HTX xã, phường để tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động. Qua đó, giúp giảm ngân sách nhà nước cấp cho Công ty. Bên cạnh đó, tiếp tục cung cấp nước cho người dân để nuôi trồng thủy sản, khai thác cảnh quan thiên nhiên của các hồ chứa, tận dụng diện tích hành lang bảo vệ công trình thủy lợi để trồng cây, sản xuất nông nghiệp.

*2.7. Đối với công tác đầu tư xây dựng cơ bản, triển khai các nhiệm vụ theo Luật Thủy lợi, Luật Tài nguyên nước...*

- Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh, các Sở, ngành có liên quan cho phép Công ty triển khai đầu tư các hạng mục công trình đã hư hỏng, xuống cấp từ nguồn vốn Phòng chống thiên tai, nguồn vốn khấu hao tài sản cố định, nguồn kinh phí từ việc bồi hoàn tài sản cố định.

- Phối hợp các Sở, ngành trong việc thực hiện triển khai các công trình trong danh mục đầu tư, nâng cấp theo đề án đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; rà soát báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề cương-Dự toán các nhiệm vụ theo quy định của Luật Thủy lợi, Nghị định 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ để triển khai thực hiện.

*2.8. Xây dựng Đảng bộ và các đoàn thể luôn đạt trong sạch, vững mạnh:*

(1). Đảng bộ Công ty hoàn thành tốt nhiệm vụ; (2). Tỷ lệ Chi bộ trực thuộc hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 90%, trong đó không quá 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (3). Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt 90% trở lên, trong đó không quá 20% hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; (4). Số lượng đảng viên mới được kết nạp trong năm tăng từ 6% trở lên so với lượng đảng viên đầu năm; (5). Cử từ 2-3 quần chúng ưu tú tham gia lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng để tạo nguồn phát triển đảng viên; (6). Tỷ lệ Chi bộ trực thuộc hoàn thành chương trình kiểm tra, giám sát năm 2025 đạt 100%; (7). Đảng bộ, Ủy ban kiểm tra Đảng uỷ hoàn thành chương trình kiểm tra, giám sát năm 2025 đạt 100%; (8). 100% các đoàn thể đạt trong sạch, vững mạnh.



## **II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026**

### **1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.**

#### *1.1. Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:*

##### **(1). Chỉ tiêu sản phẩm (tươi, tiêu):**

Tổng diện tích tưới, tiêu năm 2026 khoảng 9.740,16 ha (diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi khoảng 9.607,496 ha; diện tích không được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi khoảng 132,664 ha). Trong đó: (1). Diện tích tưới cho lúa khoảng 4.133,188 ha; (2). Diện tích tưới cho màu, mạ khoảng 1.681,520 ha; (3). Diện tích tưới cho cây ăn quả khoảng 2,124 ha; (4). Diện tích cấp nước nuôi trồng thủy sản khoảng 54,144 ha; (5). Diện tích tiêu canh tác khoảng 1.816,022 ha; (6). Diện tích tiêu thổ cư đồi núi khoảng 2.053,162 ha.. (diện tích trên là diện tích thực hiện năm 2025 và rà soát điều chỉnh tăng, giảm theo thực tế để làm cơ sở thực hiện trong năm 2026).

##### **(2). Chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và chỉ tiêu khác:**

+ Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ từ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi với doanh thu là: 31.074 triệu đồng.

+ Doanh thu khác: Ngoài doanh thu chính ra, trong năm 2026, Công ty có doanh thu khoảng 189,8 triệu đồng từ doanh thu thu từ các đối tượng không được hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi; dịch vụ quản lý, vận hành, khai thác trạm bơm Đầm Trùng, xã Hồng Thái Tây, dự kiến doanh thu khoảng 1.909 triệu đồng và dịch vụ tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát...đối với các công trình giao thông thủy lợi vừa và nhỏ trên địa bàn, dự kiến doanh thu được khoảng 100,0 triệu đồng; doanh thu từ cung cấp nước công nghiệp, sinh hoạt khoảng 1.302 triệu đồng.

+ Đối với lợi nhuận: Do đặc thù của Công ty là hoạt động công ích, không vì mục tiêu lợi nhuận. Nhiệm vụ chính là công tác tưới nước, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn 05 phường và đảm bảo an toàn cho hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý. Do đó, hàng năm Công ty không có lợi nhuận. Các khoản thu nhập khác như: Doanh thu từ dịch vụ tư vấn giám sát, tư vấn thiết kế... sau khi đã trừ đi các khoản chi phí hợp lý hợp lệ, số còn lại sẽ được hạch toán bù trừ trong năm để giảm ngân sách nhà nước cấp cho Công ty theo quy định.

(3) Chỉ tiêu về bảo toàn vốn: Công ty có trách nhiệm bảo toàn và phát triển nguồn vốn được nhà nước giao.

(4) Chỉ tiêu nộp ngân sách: Đảm bảo đủ 100% các khoản giao nộp theo đúng quy định: Thuế môn bài; thuế thu nhập cá nhân; thuế thu nhập doanh nghiệp; thuế giá trị gia tăng; thuế tài nguyên; tiền thuê đất ... và các khoản phí, lệ phí.



(5) Chỉ tiêu về lao động: Theo định mức kinh tế kỹ thuật đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021, thì tổng biên chế lao động của Công ty là 97 người; biên chế quản lý vận hành trạm bơm Đầm Trũng xã Hồng Thái Tây là 06 người. Tổng số lao động của Công ty 103 người, dự kiến số lao động sử dụng trong năm 2026 là 100 người, Công ty duy trì số lao động theo đúng biên chế được phê duyệt.

(6) Chỉ tiêu về tiền lương và các chế độ chính sách cho người lao động:

+ Tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác: Giữ ổn định mức lương bình quân của người lao động khoảng 13.500.000 đồng/người/tháng (bằng mức tiền lương, tiền thưởng và các khoản thu nhập khác của người lao động trong năm 2025).

+ Chế độ chính sách: Đóng đầy đủ 100% các khoản: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí Công đoàn...Kịp thời giải quyết các chế độ, chính sách khác cho người lao động như: Chế độ hưu trí, ốm đau, thai sản...

(7) Các chỉ tiêu khác:

+ Trang bị đầy đủ Bảo hộ lao động; khám sức khỏe định kỳ; đào tạo và đào tạo lại để nâng cao tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ; huấn luyện an toàn lao động - vệ sinh lao động; huấn luyện phòng cháy chữa cháy... cho người lao động.

+ Tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao do phường Đông Triều và Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức.

+ Tham gia đóng góp và ủng hộ đầy đủ các quỹ như: Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, bảo trợ trẻ em, quỹ phòng chống thiên tai...do tỉnh, phường và các đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội phát động.

- Công tác thi đua, khen thưởng:

+ Cá nhân đạt lao động tiên tiến (loại A) từ 90-95% trở lên; có 01-02 cá nhân đạt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (phường); có từ 03 -05 cá nhân đạt chiến sĩ thi đua cơ sở (Công ty). Về tập thể đạt tiên tiến từ 70%-80% trên tổng số Cụm Thủy nông, phòng chuyên môn. Công ty phấn đấu là đơn vị lao động tiên tiến xuất sắc trên địa phương, được Giấy khen của UBND phường Đông Triều về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong công tác năm 2026; Công ty xếp loại A và đạt Doanh nghiệp giỏi cấp tỉnh năm 2026.



+ Kế hoạch phát triển thị trường và sản phẩm: Công ty sẽ tăng thêm nguồn thu và giảm ngân sách nhà nước cấp cho Công ty trong năm 2026, cụ thể: (1) Cung cấp nước từ hồ chứa nước Khe Chè, Trại Lốc 1 để cấp cho Công ty Cổ phần sân golf Silk Path với lưu lượng khai thác 16.800 m<sup>3</sup>/năm, Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh 803.000 m<sup>3</sup>/năm; cung cấp nước từ hồ chứa nước Nội Hoàng cho Công ty Than Uông Bí – TKV với lưu lượng khai thác 54.750 m<sup>3</sup>/năm; cung cấp nước từ hồ chứa nước Khe Uơn II cho Công ty Cổ phần 397 40.000 m<sup>3</sup>/năm, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Quang Minh 6.000 m<sup>3</sup>/năm; cung cấp nước từ kênh dẫn nước về hồ Cổ lễ cho Công ty Gốm TNHH liên doanh gốm xây dựng Hoàng Quế 3.600 m<sup>3</sup>/năm; cung cấp nước từ kênh tưới của trạm bơm tưới, tiêu Việt Dân cho Công ty TNHH Mĩ TAV 6.000 m<sup>3</sup>/năm; (2) Dịch vụ tư vấn khảo sát, thiết kế: Bám sát với Ủy ban nhân dân các phường, các Hợp tác xã SXKD dịch vụ nông nghiệp để ký hợp đồng tư vấn, khảo sát, thiết kế, dự toán và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật.

### *1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm:*

Ngoài các nhiệm vụ Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính đã nêu ở phần trên; Công ty còn thực hiện các nhiệm vụ để phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty do nhà nước giao đối với các nguồn vốn, cụ thể:

#### *a). Đối với nguồn vốn của Công ty*

Công ty báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đồng ý chủ trương đầu tư sửa chữa, nâng cấp trạm bơm tưới Xuân Sơn, phường Mạo Khê; kinh phí dự kiến 4,5 tỷ đồng. Nguồn kinh phí được lấy từ nguồn trích khấu hao tài sản cố định giai đoạn 2026-2027, nguồn kinh phí thu được từ việc thanh lý, xử lý tài sản cố định và nguồn bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

b) Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí trong hoạt động quản lý, khai thác và các nguồn kinh phí hợp pháp thực hiện theo Luật thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, Luật Đất đai:

Triển khai xây dựng đề cương - Dự toán các nhiệm vụ cần thực hiện theo Luật Thủy lợi, Tài nguyên nước, Đất đai trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện. Trong năm 2026, Công ty dự kiến sẽ triển khai thực hiện các nhiệm vụ: (1). Thực hiện kiểm định an toàn đập lần đầu đối với 09 đập, hồ chứa: Nhà Bò, Linh Sơn, Trại Lốc 2, Quán Vuông, Rộc Chày, Đá Trắng, Đồng Đò 1 và 2, Khe Uơn 2; (2). Triển khai thực hiện đo vẽ bản đồ xin giao đất hiện trạng 04 công trình đập, hồ chứa nước: Gốc Thau, Quán Vuông, Linh Sơn, Sóng Rắn và điều chỉnh ranh giới giao đất hiện trạng công trình đập, hồ chứa nước: Đập Làng. Tổng kinh phí dự kiến năm 2026: 1.419 triệu đồng.



**2. Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách và các chỉ tiêu kế hoạch khác năm 2026**

| Số TT | Các chỉ tiêu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | ĐVT        | Chỉ tiêu kế hoạch |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------|
| 1     | Các chỉ tiêu sản lượng chủ yếu ( <i>sản lượng chính</i> ).                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ha         | 9.740,16          |
| 1.1   | Đối với diện tích tưới tiêu được hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                                | Ha         | 9.607,496         |
| a     | <i>Diện tích tưới</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ha         | 5.738,312         |
| -     | Tưới cho lúa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ha         | 4.132,388         |
| -     | Tưới màu, mạ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ha         | 722,510           |
| -     | Tưới cây vụ đông                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ha         | 782,670           |
| -     | Cấp nước nuôi trồng thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ha         | 50,744            |
| b     | <i>Diện tích tiêu</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ha         | 3.869,184         |
| -     | Tiêu diện tích canh tác                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ha         | 1.816,022         |
| -     | Tiêu thổ cư + đồi núi                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ha         | 2.053,162         |
| 1.2   | Đối với diện tích tưới tiêu không được hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi                                                                                                                                                                                                                                          | Ha         | 132,664           |
| a     | <i>Diện tích tưới</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ha         | 132,664           |
| -     | Tưới cho lúa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ha         | 0,8               |
| -     | Tưới màu, mạ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ha         | 103,340           |
| -     | Tưới cây vụ Đông                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Ha         | 23,00             |
| -     | Cấp nước nuôi trồng thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Ha         | 3,40              |
| -     | Cây ăn quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ha         | 2,124             |
| b     | <i>Diện tích tiêu</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Ha         | 0                 |
| 2     | Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích ( <i>nếu có</i> )                                                                                                                                                                                                                                                                         | Triệu đồng | 31.073,9          |
| 3     | Tổng doanh thu ( <i>tạm tính</i> )                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Triệu đồng | 31.073,9          |
| 4     | Lợi nhuận trước thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Triệu đồng |                   |
| 5     | Lợi nhuận sau thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Triệu đồng |                   |
| 6     | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Triệu đồng | 400,0             |
| 7     | Tổng vốn đầu tư ( <i>bao gồm vốn cả các nhiệm vụ thực hiện theo Luật Thủy lợi...</i> )                                                                                                                                                                                                                                        | Triệu đồng | 1.419             |
| 8     | Kim ngạch xuất khẩu ( <i>nếu có</i> )                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1.000 USD  |                   |
| 9     | Các chỉ tiêu khác gồm: Doanh thu dịch vụ thủy lợi khác gồm doanh thu đối với đối tượng không được NSNN hỗ trợ dịch vụ công ích thủy lợi; doanh thu cấp nước công nghiệp, sinh hoạt; dịch vụ quản lý vận hành, khai thác trạm bơm Đầm Trũng, phường Hoàng Quế và doanh thu từ tư vấn thiết kế- giám sát công trình (tạm tính). | Triệu đồng | 3.500,8           |



### **Ghi chú:**

- *Chỉ tiêu 1:* Diện tích tưới tiêu là diện tích thực hiện năm 2025 dự kiến kế hoạch diện tích tăng, giảm năm 2026 để làm cơ sở cho xây dựng kế hoạch năm 2026.

- *Đối với chỉ tiêu 2:* "Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích (nếu có)". Công ty tính dựa trên cơ sở phần diện tích được NSNN hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi cho các đối tượng được miễn nhân với giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 442/QĐ-UBND ngày 21/02/2025.

- *Đối với chỉ tiêu 6:* Đối với số thuế và các khoản phải nộp NSNN Công ty xây dựng dựa trên số thuế phải nộp năm 2025 và dự kiến các khoản doanh thu năm 2026.

- *Đối với chỉ tiêu 7:* Thực hiện các nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí trong hoạt động quản lý, khai thác và các nguồn kinh phí hợp pháp thực hiện theo Luật thủy lợi, Luật Tài nguyên nước, Luật Đất đai năm 2026. Tổng kinh phí dự kiến: 1.419 triệu đồng;

- *Đối với chỉ tiêu 9:* Tổng doanh thu tạm tính là: 3.500,8 triệu đồng. Trong đó: Doanh thu các đối tượng không được hỗ trợ giá sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi 189,8 triệu đồng; doanh thu từ dịch vụ quản lý vận hành, khai thác trạm bơm Đầm Trùng, xã Hồng Thái Tây là 1.909 triệu đồng; doanh thu từ cung cấp nước công nghiệp, sinh hoạt khoảng 1.302 triệu đồng; doanh thu từ hoạt động tư vấn thiết kế, giám sát khoảng 100,0 triệu đồng.

## **3. Giải pháp thực hiện kế hoạch**

### **3.1. Giải pháp về tài chính:**

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính và sử dụng nguồn kinh phí nhà nước cấp phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2026. Công ty đưa ra một số giải pháp như sau:

- Sửa đổi và hoàn thiện các Quy chế như: Quy chế quản lý tài chính; Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi; Quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng cho Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Ban điều hành và người lao động; quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế quản lý và sử dụng công cụ, dụng cụ, đồ dùng sinh hoạt; Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định....cho phù hợp với các Thông tư, Nghị định, Văn bản hướng dẫn.

- Thường xuyên giám sát, kiểm tra công tác quản lý tài chính trong quá trình thực hiện kế hoạch trong năm.

- Xây dựng các giải pháp tiết kiệm chi phí, áp dụng cơ chế khoán chi, quản lý chặt chẽ các khoản chi phí phù hợp với định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá được duyệt.

- Đảm bảo thu nhập, nâng cao đời sống và giải quyết kịp thời các chế độ chính sách liên quan đến người lao động.



- Để nâng cao, tự chủ về tài chính, giảm bớt nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ cho Công ty. Trong năm 2026, Công ty đề ra các biện pháp nhằm tăng doanh thu ngoài công ích, cụ thể như:

+ Đối với dịch vụ cấp nước công nghiệp, sinh hoạt, Công ty sẽ ký hợp đồng với Công ty cổ phần sân golf Silk Path, Công ty Cổ phần nước sạch Quảng Ninh, Công ty than Uông Bí – TKV, Công ty Cổ phần 397, Công ty Gốm TNHH liên doanh gốm xây dựng Hoàng Quế, Công ty TNHH Mira TAV, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển hạ tầng Quang Minh... để cấp nước cho mục đích kinh doanh dịch vụ. Đồng thời phối hợp với các tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị trên địa để đẩy mạnh việc cung cấp dịch vụ nước thô từ các hồ chứa nước do Công ty quản lý.

+ Đối với dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát: Công ty thường xuyên bám sát Ủy ban nhân dân các phường, các hợp tác xã SXKD dịch vụ nông nghiệp... để ký hợp đồng tư vấn, khảo sát, thiết kế, dự toán và lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, nhằm tạo thêm công việc, nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ, người lao động, nhằm tăng doanh thu và giảm ngân sách nhà nước cấp.

### **3.2. Giải pháp về sản xuất:**

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi, phục vụ phát triển cho sản xuất nông nghiệp và các thành phần kinh tế trên địa bàn; nâng cao năng lực phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Công ty đưa ra một số giải pháp như sau:

- Thông tin, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật của nhà nước đối với công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi để nâng cao nhận thức của người dân về ý thức bảo vệ công trình, bảo vệ chất lượng nước và sử dụng nước tiết kiệm; không đổ thải, xả thải, xâm hại lấn chiếm vào hệ thống công trình thủy lợi do công ty quản lý; chuyển đổi cây trồng trong trường hợp có nguy cơ hạn hán, thiếu nước xảy ra.

- Yêu cầu cán bộ người, lao động trong công ty nghiêm túc thực hiện đúng quy trình vận hành nhằm đảm bảo an toàn hệ thống máy móc thiết bị, công trình; quản lý, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước; kịp thời duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị điện, công trình trên kênh, tu bổ nạo vét hệ thống kênh mương, khơi thông dòng chảy; theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết để xây dựng kế hoạch tích trữ nước, điều dẫn, phân phối nước khoa học, hiệu quả; các trạm bơm tưới chủ động bơm nước vào giờ thấp điểm để giảm chi phí tiền điện; các trạm bơm tiêu chủ động tiêu nước đệm triệt để qua các cống tiêu dưới đê và các hồ đập chủ động hạ mực nước hồ qua cống tháo sâu khi có bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn kéo dài.

- Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm đổ thải, xả thải, xâm hại lấn chiếm công trình thủy lợi.

- Xây dựng kế hoạch nhu cầu sử dụng nước của các công trình (hồ đập, trạm bơm tưới) theo từng vụ trong năm.



- Rà soát, xây dựng, sửa đổi bổ sung các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về quản lý, vận hành đảm bảo an toàn công trình, đặc biệt là hồ, đập. Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên trong quản lý khai thác công trình thủy lợi.

### **3.3. Giải pháp về marketing**

Trong năm 2026, Công ty chú trọng đẩy mạnh công tác truyền thông, quảng bá nhằm khẳng định vai trò, vị thế, uy tín trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi. Các giải pháp cần triển khai:

- Phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan truyền thông, tổ chức đoàn thể để tuyên truyền về vai trò, ý nghĩa của hệ thống công trình thủy lợi, đối với phát triển nông nghiệp, dân sinh và kinh tế địa phương; vận động nhân dân cùng tham gia bảo vệ, khai thác công trình hiệu quả.

- Tăng cường quảng bá trên các phương tiện truyền thông, báo chí, cổng thông tin điện tử của Ứng dụng công nghệ số trong marketing; xây dựng website hiện đại, tích hợp hệ thống dữ liệu, báo cáo, dịch vụ trực tuyến. Sử dụng mạng xã hội (Facebook, Zalo, Youtube) để lan tỏa thông tin, tiếp cận cộng đồng, doanh nghiệp. Ứng dụng công nghệ số trong khảo sát, nghiên cứu thị trường, quản lý khách hàng, phục vụ hoạch định chiến lược dịch vụ.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm và liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài ngành để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn, áp dụng công nghệ kỹ thuật mới và nâng cao hiệu quả hoạt động. Chủ động mở rộng tìm kiếm khách hàng tiềm năng nhằm tăng doanh thu, củng cố uy tín và nâng cao vị thế của Công ty.

### **3.4. Giải pháp về nguồn nhân lực**

Nguồn nhân lực là yếu tố quyết định đến chất lượng và hiệu quả hoạt động quản lý, khai thác, vận hành hệ thống công trình thủy lợi. Trong bối cảnh yêu cầu ngày càng cao về dịch vụ công ích, ứng dụng khoa học công nghệ và thích ứng biến đổi khí hậu, việc xây dựng đội ngũ cán bộ, người lao động có trình độ chuyên môn, kỹ năng quản lý và tinh thần trách nhiệm là nhiệm vụ trọng tâm. Do đó, trong năm 2026, Công ty chú trọng triển khai các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuẩn hóa, chuyên nghiệp và hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

- Chủ động dự báo nhu cầu lao động theo thời kỳ và chức năng nhiệm vụ; bố trí, sắp xếp nhân sự khoa học, hợp lý nhằm phát huy tối đa năng lực, sở trường của cán bộ, người lao động.

- Tiếp tục rà soát để bố trí người lao động phù hợp với trình độ chuyên môn kỹ thuật theo Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ và Nghị định 40/2023/NĐ-CP ngày 27/6/2023 của Chính phủ đảm bảo khai thác, vận hành công trình thủy lợi an toàn, hiệu quả.



- Thực hiện sắp xếp, bố trí lại các Cụm thủy nông theo địa giới hành chính mới của xã phường sau sáp nhập, đảm bảo phân công lao động hợp lý theo từng khu vực quản lý công trình, phù hợp với phạm vi phục vụ và nhu cầu thực tế. Việc sắp xếp được thực hiện theo hướng tinh gọn, tránh chồng chéo, nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời bảo đảm quyền lợi, ổn định việc làm cho người lao động.

- Xây dựng Quy chế làm việc nhằm thống nhất về cơ chế tổ chức, điều hành và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng tập thể, cá nhân trong Công ty.

- Xây dựng quy chế tuyển dụng nhằm nâng cao nguồn nhân lực, tuyển dụng được những lao động có trình độ, tay nghề cao, có trách nhiệm với công việc, phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, bậc thợ cho người lao động; mở lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ nâng cao năng lực quản lý, vận hành công trình thủy lợi, quản lý, vận hành đập, hồ chứa nước. các lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động...

- Tổ chức đào tạo, tập huấn về công nghệ mới, phần mềm quản lý và kỹ năng vận hành thiết bị hiện đại, đặc biệt chú trọng đào tạo nhân lực kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành hệ thống công trình thủy lợi hiện đại. Tạo cơ hội cho cán bộ, người lao động được tham gia các khóa học, hội thảo, chia sẻ kinh nghiệm để phát triển nghề nghiệp.

- Tăng cường kỷ luật và văn hóa số, áp dụng hệ thống điện tử trong quản lý giờ giấc, chấm công, giám sát tác phong, nâng cao ý thức tuân thủ quy trình và trách nhiệm công việc.

- Xây dựng chế độ tiền lương, tiền thưởng và chế độ phúc lợi hợp lý; gắn thu nhập với năng suất, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp, nhằm thu hút kỹ sư trẻ, giỏi công nghệ, đồng thời giữ chân đội ngũ công nhân lành nghề và cán bộ kỹ thuật giàu kinh nghiệm; khuyến khích sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và khai thác nguồn thu mới cho công ty.

- Phấn đấu đến hết năm 2026, 100% cán bộ người lao động đáp ứng được yêu cầu vị trí việc làm; các công trình thủy lợi lớn được bố trí nhân lực đầy đủ về số lượng, bằng cấp, kỹ năng vận hành; xây dựng đội ngũ lao động thủy lợi chuyên nghiệp, làm chủ được tình huống, làm chủ được công nghệ.

### **3.5. Giải pháp về công nghệ - kỹ thuật:**

Đề ứng dụng các công nghệ khoa học kỹ thuật mới, những mô hình tiên tiến, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào trong công tác quản lý, điều hành sản xuất. Công ty đề ra một số giải pháp về công nghệ, kỹ thuật như sau:

- Trang bị và triển khai các phần mềm quản lý tài chính, kế toán và quản trị doanh nghiệp hiện đại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, tăng tính minh bạch và hỗ trợ ra quyết định kịp thời:



+ Đối với bộ phận quản lý: Trang bị phần mềm quản lý quản lý công việc, dự án (giao việc, theo dõi tiến độ, báo cáo); quản lý nhân sự (tuyển dụng, chấm công, tính lương, đánh giá hiệu suất); quản trị nội bộ (quy trình phê duyệt, lưu trữ văn bản, truyền thông nội bộ); Hỗ trợ ra quyết định bằng hệ thống báo cáo dữ liệu trực quan. như phần mềm Ba se.vn, VNPT-iOffice, Trello.....

+ Đối với bộ phận tài chính – kế toán: Trang bị phần mềm tích hợp trong công tác hạch toán, kế toán, theo dõi tài sản, công cụ dụng cụ, tự động tính lương, bảo hiểm như MISA SME, FAST Accounting...

+ Đối với bộ phận tổ chức – nhân sự: Áp dụng phần mềm quản lý nhân sự kết hợp chấm công linh hoạt bằng máy chấm vân tay hoặc xác thực khuôn mặt tại văn phòng Công ty; lắp đặt hệ thống camera giám sát tại các cụm thủy nông để phục vụ công tác theo dõi, kiểm tra và nâng cao kỷ luật lao động.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong quản lý vận hành công trình thủy lợi nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, giảm thất thoát và tối ưu nguồn lực:

+ Ứng dụng hệ thống SCADA trong giám sát, điều khiển từ xa các thiết bị, trạm bơm, cống, kênh mương;

+ Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý bản đồ số diện tích tưới, công trình thủy lợi;

+ Ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) để phân tích dự báo hạn hán, lũ lụt, xâm nhập mặn; triển khai ứng dụng quản lý nước thông minh trên điện thoại;

+ Đầu tư nâng cấp, lắp đặt hệ thống quan trắc, giám sát tự động theo quy định: Cảm biến đo áp lực thấm, chuyển vị thân đập; đo mực nước thượng lưu, hạ lưu; lưu lượng qua cống, lưu lượng xả qua tràn; lượng mưa... tại các hồ chứa, trạm bơm;

+ Ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, UAV (drone): Theo dõi diện tích hồ, tình trạng rừng đầu nguồn, phát hiện sạt trượt mái đập, bồi lắng biến động lòng hồ, hệ thống kênh mương; phát hiện các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi...

+ Từng bước đầu tư, thay thế các thiết bị, động cơ, máy bơm đã cũ bằng các loại máy móc, thiết bị tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu suất vận hành;

+ Thay thế toàn bộ hệ thống vận hành cống quay tay bằng motor điện hoặc bộ truyền động thủy lực;

- Trong công tác tư vấn thiết kế, giám sát thi công công trình thủy lợi: Áp dụng các phần mềm để quản lý đồng bộ thông tin; ứng dụng công nghệ BIM, GIS, UAV, IoT trong khảo sát, thiết kế, giám sát để nâng cao chất lượng, minh bạch khối lượng, rút ngắn tiến độ và tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục đầu tư nâng cấp, lắp đặt các thiết bị quan trắc, thiết bị giám sát tự động để theo dõi cập nhật mực nước, lượng mưa tại các hồ, đập.



### **3.6. Giải pháp về quản lý và điều hành:**

Quản lý và điều hành là khâu then chốt, quyết định hiệu quả hoạt động của Công ty. Trong năm 2026, để đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, Công ty chú trọng hoàn thiện mô hình quản lý, tăng cường tính minh bạch, khoa học và hiện đại trong điều hành; gắn trách nhiệm của lãnh đạo, cán bộ quản lý với kết quả thực hiện nhiệm vụ; đồng thời bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban, đơn vị trực thuộc. Đây là cơ sở quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, phát huy vai trò doanh nghiệp. Công ty tập trung các giải pháp sau:

- Tiếp tục đổi mới công tác quản lý, điều hành bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu năng lực theo quy định; nâng cao năng suất lao động để giảm số người lao động, đầu mối tổ chức nhằm đáp ứng được yêu cầu trong công tác tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; đảm bảo đáp ứng đầy đủ nguồn nước phục vụ phát triển cho sản xuất nông nghiệp và các thành phần kinh tế trên địa bàn.

- Hoàn thiện, ổn định bộ máy tổ chức và cơ chế quản lý nội bộ cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, sự thay đổi địa giới hành chính và bối cảnh phát triển mới, nhằm nâng cao hiệu quả công tác điều hành, kiểm tra, giám sát.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, giám sát và điều hành.

- Hoàn thiện quy trình kiểm tra, giám sát; tổ chức kiểm tra nội bộ định kỳ và đột xuất để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh sai phạm, nâng cao hiệu lực quản lý.

- Nâng cao vai trò trách nhiệm gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao đối với từng cấp quản lý từ công ty đến các phòng chuyên môn nghiệp vụ, cụm thủy nông. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu của từng bộ phận trong việc chỉ đạo, điều hành để đáp ứng yêu cầu sản xuất.

## **4. Phân công tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch**

### **4.1. Phân công tổ chức thực hiện và giám sát:**

- Ban điều hành Công ty căn cứ chức năng, nhiệm vụ được phân công, chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, giám sát các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Đội thi công sửa chữa công trình, các cụm Thủy nông trực thuộc công ty; tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng các chỉ tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch kinh doanh năm 2026 đã được đại diện chủ sở hữu (UBND tỉnh) phê duyệt, Chủ tịch Công ty quyết định; đề xuất những khó khăn, vướng mắc và giải pháp thực hiện; lập kế hoạch, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch (khi cần thiết). Chịu trách nhiệm trước Công ty, trước Chủ tịch Công ty về kết quả thực hiện trong năm, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo bảo toàn vốn nhà nước, không để xảy ra thất thoát tài sản, vốn của nhà nước tại doanh nghiệp; nộp đầy đủ, kịp thời các khoản thuế, phí lệ phí cho ngân sách nhà nước theo quy định; giải quyết kịp thời các chế độ, chính sách, tiền lương cho người lao động. đề xuất khen thưởng, kỷ luật.



- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Đội thi công sửa chữa công trình, các cụm Thủy nông: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ được Công ty giao. Chỉ đạo, điều hành, bố trí, phân công cán bộ, người lao động triển khai thực hiện đảm bảo hoàn thành mọi chỉ tiêu kế hoạch được Công ty giao. Tổ chức đăng tải công khai thông tin trên trang Website của Bộ Tài chính; cơ quan đại diện Chủ sở hữu (UBND tỉnh Quảng Ninh) và trên trang Website của Công ty theo các nội dung tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ. Tuyệt đối không được để xảy ra tai nạn lao động.

#### **4.2. Báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch:**

Hàng tháng, Ban điều hành Công ty tổ chức họp giao ban với các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Đội thi công sửa chữa công trình và các cụm Thủy nông để kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện; đề ra phương hướng nhiệm vụ, giải pháp tháng sau. Chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Công ty về kết quả thực hiện và tham mưu, đề xuất để Chủ tịch Công ty báo cáo cấp trên về kết quả thực hiện theo quy định.

#### **5. Phân loại doanh nghiệp:**

Doanh nghiệp thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích. Công ty phân loại theo các tiêu chí sau:

- Tiêu chí 1: Doanh thu
- Tiêu chí 3: Nợ phải trả quá hạn, khả năng thanh toán nợ đến hạn.
- Tiêu chí 4. Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.
- Tiêu chí 5. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích.

**6. Kế hoạch đầu tư của Công ty trong năm 2026:** (tên dự án nhóm B trở lên, nguồn vốn, tổng mức đầu tư...). Trong năm 2026, Công ty không có kế hoạch đầu tư dự án từ nhóm B trở lên.

Trên đây là nội dung kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh. Công ty xin báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh nắm được./.

*Công ty xin trân trọng cảm ơn!*

#### **Nơi nhận:**

- Bộ Tài chính (b/c);
- UBND tỉnh Quảng Ninh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Ban điều hành Công ty (b/c);
- Lưu: Công ty.

#### **CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Đặng Văn Tuyên**



**Biểu số 3:**  
**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT**  
**KINH DOANH NĂM 2025**

(Ban hành theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ)

UBND TỈNH QUẢNG NINH  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU  
MST: 5700102341

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 26 /BC-CT

Đông Triều, ngày 25 tháng 02 năm 2026

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1;

**BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP.**

| TT | Chỉ tiêu                                                              | ĐVT     | Kế hoạch  | Giá trị thực hiện | Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*) |
|----|-----------------------------------------------------------------------|---------|-----------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| 1  | Sản phẩm chủ yếu sản xuất                                             | ha      | 9.777,628 | 9.862,386         |                                                                       |
| a) | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích đối tượng được hỗ trợ | ha      | 9.690,628 | 9.690,762         |                                                                       |
| b) | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích đối tượng phải thu    |         | 87,0      | 171,624           |                                                                       |
| 2  | Tổng doanh thu                                                        | Tỷ đồng | 33,045    | 36,365            |                                                                       |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế                                                  | Tỷ đồng |           | 0,251             |                                                                       |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế                                                    | Tỷ đồng |           | 0,208             |                                                                       |
| 5  | Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước                                     | Tỷ đồng | 0,210     | 0,288             |                                                                       |
| 6  | Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)                                     | Tỷ đồng |           |                   |                                                                       |
| 7  | Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)                                    |         |           |                   |                                                                       |
| 8  | Tổng số lao động                                                      | Người   | 98        | 98                |                                                                       |



|    |                    |         |      |      |  |
|----|--------------------|---------|------|------|--|
| 9  | Tổng quỹ lương     | Tỷ đồng | 16,3 | 16,3 |  |
| a) | Quỹ lương quản lý  | Tỷ đồng | 0,6  | 0,6  |  |
| b) | Quỹ lương lao động | Tỷ đồng | 15,7 | 15,7 |  |

## **2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.**

*2.1. Đánh giá công tác quản lý vận hành, khai thác công trình thủy lợi tưới, tiêu nước và cấp nước trong năm 2025.*

(1). Về Quản lý lao động:

- Công ty đã xây dựng cơ cấu tổ chức khoa học, đảm bảo hiệu quả trong quản lý và điều hành. Các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các Cụm Thủy nông được biên chế tương đối hợp lý theo đúng định mức kinh tế kỹ thuật đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 10/6/2021, đã đáp ứng được yêu cầu quản lý khai thác, nhất là các công trình lớn và phức tạp. Lực lượng lao động được đảm bảo cả về số lượng lẫn chất lượng, đáp ứng được yêu cầu trước mắt và lâu dài. Việc bố trí, sắp xếp nhân lực tại các phòng ban, công trình đều xuất phát từ yêu cầu công việc cũng như phù hợp với điều kiện, năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của mỗi người. Năng suất, chất lượng công việc được nâng lên rõ rệt. Khối lượng công việc luôn đảm bảo vượt khoán; không còn tình trạng bỏ trực công trình; đi muộn, về sớm...

- *Về số lượng lao động của Công ty:* Tổng biên chế lao động của Công ty theo hợp đồng đặt hàng là 102 người. Trong đó, số lao động theo hợp đồng đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi và cung cấp sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi là 96 người; lao động quản lý vận hành, khai thác hệ thống công trình trạm bơm tưới Đầm Trũng, xã Hồng Thái Tây là 06 người Công ty ký hợp đồng với Công ty Cổ phần 397.

- *Đối với công tác xây dựng kế hoạch sử dụng lao động:* Công ty đã xây dựng kế hoạch số 03/KH-GĐCT ngày 11/01/2025 Kế hoạch về việc sử dụng lao động năm 2025, báo cáo UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Văn bản số 15/BC-CTTLĐT ngày 23/01/2025. Trong đó, tổng biên chế là 100 người, gồm: Người quản lý công ty và Kiểm soát viên chuyên trách 05 người; người lao động 95 người; đến ngày 26/2/2025, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có Văn bản số 35/TB-LĐTBXH đồng ý với kế hoạch sử dụng lao động năm 2025 của Công ty. Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều đã ban hành Quyết định số 39/QĐ-CTCT ngày 03/3/2025 để phê duyệt Kế hoạch sử dụng lao động năm 2025.



- *Đối với tình hình sử dụng lao động:* Tại thời điểm ngày 01/01/2025, số lượng lao động Công ty sử dụng là 98 lao động. Đến thời điểm ngày 31/12/2025, tổng số lao động Công ty đang sử dụng là 98 lao động.

(2). Về quản lý công trình:

- Hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý được đảm bảo an toàn, ổn định trong quá trình vận hành. Công tác bảo vệ công trình được tăng cường nhằm hạn chế tình trạng xây dựng, lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, phối hợp với các UBND phường: An Sinh, Bình Khê, Hoàng Quế để giải quyết, xử lý một số vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi.

- Công tác quản lý, vận hành cụm đầu mối được triển khai hiệu quả; hệ thống máy móc được sửa chữa, bảo dưỡng kịp thời; hệ thống kênh mương được tu bổ, nạo vét, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo công trình vận hành an toàn, hiệu quả và sử dụng lâu dài.

- Công ty đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung hồ sơ đăng ký an toàn đập; xây dựng phương án ứng phó với các tình huống khẩn cấp tại hồ chứa nước; đồng thời, lập đề cương kiểm định an toàn đập theo quy định tại Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- Đối với việc thực hiện các nhiệm vụ theo Luật Thủy lợi: Trong năm 2025, Công ty đã lập phương án bảo vệ cho 10 đập, hồ chứa nước và 04 trạm bơm tiêu do Công ty quản lý, trình Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định và được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt.

(3). Về quản lý nước:

- Công ty luôn đảm bảo đủ nguồn nước để phục vụ tưới cho 100% diện tích đã ký hợp đồng giữa Công ty với các Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp và các đơn vị dùng nước; luôn tưới đúng, tưới đủ diện tích hợp đồng, không còn tình trạng tưới tiêu ngoài đường bao; không lãng phí nước tưới, tiết kiệm được điện năng. Công ty đã xây dựng Kế hoạch số 09/KH-CTTLĐT ngày 19/02/2025 về việc triển khai các biện pháp ứng phó với nguy cơ nắng nóng, hạn hán, thiếu nước tại các công trình thủy lợi do Công ty quản lý; ban hành Quyết định số 30/QĐ-CTTLĐT ngày 21/02/2025 về việc thành lập Ban chỉ huy phòng, chống hạn hán, thiếu nước năm 2025; ban hành Quyết định số 97/QĐ-CTTLĐT ngày 17/4/2025 về việc thành lập đội xung kích Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh; Xây dựng kế hoạch số 620/KH-CTTLĐT ngày 8/10/2024 về cung cấp sản phẩm – dịch vụ thủy lợi năm 2025.

Kết quả: Mặc dù thời tiết trong những tháng đầu năm lượng mưa ít, mực nước hồ chứa xuống thấp hơn trung bình nhiều năm, hạn hán thiếu nước đã xảy ra tại một số hồ nhỏ, nhưng Công ty đã đảm bảo 100% diện tích trong hợp đồng được cung cấp nước kịp thời hiệu quả, năng suất lúa và các cây trồng khác đều đạt rất cao, chất lượng nguồn nước phục vụ cho sản xuất, nuôi trồng thủy sản được đảm bảo.



- Đối với công tác quan trắc chất lượng nước: (1). Công ty đã ký 02 Hợp đồng: Hợp đồng số 18/2025/HĐ-PTMN ngày 10/02/2025 và Hợp đồng số 71/2025/HĐ-PTMN ngày 18/03/2025 với Doanh nghiệp tư nhân FPD để lấy mẫu và kiểm định chất lượng nước tại các hồ chứa và một số cửa vào trạm bơm (đã kiểm định chất lượng nguồn nước với tần suất 01 lần/tháng). Kết quả: các chỉ tiêu, thông số nguồn nước đảm bảo phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp, theo QCVN 08:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; (2). Thường xuyên kiểm tra độ mặn của nguồn nước tại bể hút các trạm bơm tưới, sông Đá Vách, Đá Bạc, sông Cẩm, sông Kinh Thầy với tần suất 07 ngày/lần; (3). Thường xuyên cập nhật và đăng tải vào phần mềm giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường lưu lượng khai thác nước của các trạm bơm, hồ chứa nước và lưu lượng nước xả qua tràn của các hồ chứa theo đúng quy định.

- Đối với công tác lập hồ sơ xin cấp phép khai thác, nước mặt để phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp. Trong năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty Cổ phần quy hoạch thiết kế xây dựng và DVTM Thủy Tùng để lập 06 hồ sơ điều chỉnh, cấp phép khai thác nước mặt của 05 hồ chứa nước (Khe Chè, Trại Lốc 1, Nội Hoàng, Khe Ươn 2 và Bến Châu); 01 trạm bơm tưới Việt Dân trên địa bàn thành phố Đông Triều (*nay là 05 phường: Đông Triều, An Sinh, Bình Khê, Mạo Khê, Hoàng Quế*), tỉnh Quảng Ninh phục vụ cho các mục đích: Cấp nước phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt và công nghiệp. Hiện tại, Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp 04 Giấy phép cho Công ty, gồm: (1) Hồ chứa nước Trại Lốc 1, tại Giấy phép số 4043/GP-UBND ngày 24/10/2025; (2). Hồ chứa nước Khe Chè, tại Giấy phép số 4044/GP-UBND ngày 24/10/2025; (3). Hồ chứa nước Nội Hoàng, tại Giấy phép số 4345/GP-UBND ngày 14/11/2025; (4). Hồ chứa nước Khe Ươn 2, tại Giấy phép số 4392/GP-UBND ngày 18/11/2025. Còn 01 hồ chứa nước Bến Châu và 01 trạm bơm tưới Việt Dân, Công ty đã nộp hồ sơ tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh (ngày 09/12/2025) để Sở Nông nghiệp và Môi trường Quảng Ninh thẩm định báo cáo UBND tỉnh cấp giấy phép cho Công ty theo quy định (*dự kiến Công ty sẽ được UBND Tỉnh cấp phép trong tháng 01/2026*).

- Công ty đã thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc xả chất thải, nước thải vào công trình thủy lợi theo định kỳ và đột xuất tại vị trí xả thải được quy định tại giấy phép; kiểm tra chất lượng nguồn nước thải sau khi đã xử lý vào nguồn nước tiếp nhận; kiểm tra phương thức và lưu lượng xả thải; yêu cầu các đơn vị lập báo cáo tình hình thực hiện các nghĩa vụ của chủ giấy phép theo quy định tại Điều 2 của các giấy phép đã được cấp, gửi báo cáo về Công ty để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cho các đơn vị quản lý nhà nước theo đúng quy định.



(4). Quản lý diện tích:

\* Về tình hình thực hiện:

- Công ty thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 theo mùa vụ, cụ thể: vụ Đông, Vụ Đông Xuân, Vụ Mùa, Nuôi trồng thủy sản và Tiêu thoát nước.

- Quá trình thực hiện cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với các đối tượng được hỗ trợ kinh phí sản phẩm, dịch vụ theo mùa vụ gồm: Ký hợp đồng cung cấp sản phẩm, dịch vụ đối với các đơn vị; lập bảng kê diện tích theo cơ cấu cây trồng đối với các đơn vị dùng nước dựa trên bản đồ giải thửa số khu tưới, khu tiêu và sổ hộ dùng nước; ký xác nhận với UBND các xã, phường và các đơn vị dùng nước; Ký xác nhận Bảng tổng hợp diện tích tưới, tiêu nước với UBND thành phố Đông Triều (nay là 05 phường: Đông Triều, An Sinh, Bình Khê, Mạo Khê, Hoàng Quế); Ký phụ lục hợp đồng với các đơn vị (nếu có); Ký thanh lý hợp đồng cung cấp sản phẩm dịch vụ đối với các đơn vị.

\* Về kết quả thực hiện:

- Tổng diện tích tưới, tiêu thực hiện trong năm 2025 là: 9.690,762 ha, đạt tỷ lệ 100,0 % so với hợp đồng đặt hàng.

(5). Quản lý kinh tế:

Tổng kinh phí đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 của Công ty được giao tại Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách cấp tỉnh năm 2025 và Quyết định số 936/QĐ-SNN&PTNT ngày 11/12/2024 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025.

- **Tổng kinh phí đặt hàng** công tác quản lý, khai thác công trình và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 theo Hợp đồng đặt hàng số 01/2025/HĐ-KT ngày 01/4/2025 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều là: **37.651.442.000 đồng**. Trong đó:

+ Kinh phí đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 là : **31.462.906.000 đồng**.

+ Kinh phí hỗ trợ từ nguồn khấu hao tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều để thực hiện phương án đầu tư cải tạo trạm bơm tiêu Việt Dân 2 và lắp đặt đường ống dẫn nước tưới thay thế trạm bơm tưới Đạm Thủy, phường Thủy An, thành phố Đông Triều (nay là phường Đông Triều) là: **6.188.536.000 đồng**.

- **Tổng kinh phí thực hiện đặt hàng** công tác quản lý, khai thác công trình và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 theo Hợp đồng đặt hàng số 01/2025/HĐ-KT ngày 01/4/2025 đề nghị nghiệm thu quyết toán là: **37.636.210.979 đồng**, trong đó:

+ Kinh phí thực hiện đặt hàng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 là : **31.447.674.979 đồng**.



+ Kinh phí hỗ trợ từ nguồn khấu hao tài sản cố định của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều để thực hiện phương án đầu tư cải tạo trạm bơm tiêu Việt Dân 2 và lắp đặt đường ống dẫn nước tưới thay thế trạm bơm tưới Đạm Thủy, phường Thủy An, thành phố Đông Triều (nay là phường Đông Triều) là: **6.188.536.000 đồng**.

Các khoản chi phí được công khai, minh bạch và hạch toán đầy đủ theo quy định thông qua hệ thống sổ sách kế toán; việc chi tiêu được thực hiện hợp lý, tiết kiệm, góp phần bảo toàn và phát huy hiệu quả nguồn vốn do UBND tỉnh giao.

(6). Công tác bảo đảm an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa bão:

Công tác phòng, chống lụt bão năm 2025, luôn được Công ty quan tâm chỉ đạo và thực hiện. Ngay từ đầu năm, Công ty đã tiến hành kiểm tra đánh giá tổng thể thực trạng an toàn hệ thống công trình và đã có báo cáo gửi cấp trên theo quy định. Công ty đã lập danh mục các hạng mục công trình hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ mất an toàn cho công trình; tiến hành sửa chữa các hạng mục công trình xung yếu như: cống dưới đập, tràn xả lũ, cống tiêu dưới đê...; sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị của các trạm bơm tiêu; tổ chức vận hành thử các trạm bơm tiêu, cống tiêu, cống xả lũ của các hồ chứa nước và bố trí đủ vật tư, thiết bị dự phòng, bảo đảm kịp thời sửa chữa, thay thế trong trường hợp có sự cố xảy ra.

Công ty đã thành lập Ban chỉ huy phòng chống lụt, bão năm 2025 tại Quyết định số 123/QĐ-CTTLĐT ngày 29/4/2025; thành lập Đội xung kích tại Quyết định số 97/QĐ-CT ngày 17/4/2025; ban hành Quyết định số 127/QĐ-CTTLĐT ngày 03/5/2025 về phân công nhiệm vụ phụ trách công tác phòng, chống ngập úng, mưa, bão năm 2025; xây dựng phương án số 01/PA-CTTLĐT ngày 03/5/2025; Phương án số 02/PAPCLB-CTTLĐT ngày 01/7/2025 về việc phòng, chống ngập úng, mưa, bão năm 2025; ký các hợp đồng nguyên tắc với các đơn vị cung cấp vật tư, máy móc, thiết bị để phục vụ công tác phòng, chống ngập úng, mưa, bão năm 2025, làm cơ sở thực hiện và báo cáo các đơn vị cấp trên có liên quan theo đúng quy định. Mặt khác, Công ty luôn phối kết hợp chặt chẽ với UBND các phường trong quá trình phục vụ sản xuất nông nghiệp và công tác phòng chống lụt bão. Các công trình luôn đảm bảo an toàn, sẵn sàng ứng phó với úng lụt, bão lũ; không để xảy ra sự cố đáng tiếc, tránh được thiệt hại do úng lụt, bão gây lên; phục vụ sản xuất và dân sinh kinh tế đạt hiệu quả tốt.

*2.2. Những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025.*

**a). Khó khăn:**

- *Đối với công tác phục vụ tưới, cấp nước:* Do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, lượng mưa trên địa bàn thành phố Đông Triều (cũ) thấp hơn trung bình nhiều năm, thời tiết diễn biến phức tạp, mưa ít, nắng nóng kéo dài, mực nước của các hồ, đập xuống thấp dẫn đến việc cung cấp nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp cuối vụ Đông xuân năm 2025 gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.



- *Đối với công tác bảo vệ công trình thủy lợi:* Việc bảo vệ hành lang hệ thống công trình thủy lợi do Công ty quản lý, rất khó khăn, phức tạp; hiện nay tình trạng người dân và các đơn vị, doanh nghiệp thường xuyên xâm hại, lấn chiếm; thời gian xử lý vi phạm kéo dài nên đã ảnh hưởng đến điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

**b). Thuận lợi:**

- Năm 2025, Công ty được UBND tỉnh phê duyệt phương án giá sản phẩm, dịch vụ năm 2025, phê duyệt phương án đặt hàng cho Công ty, làm cơ sở để Sở Nông nghiệp & Môi trường (đơn vị được UBND tỉnh ủy quyền) ký hợp đồng đặt hàng với Công ty sớm hơn mọi năm. Sau khi ký hợp đồng đặt hàng, Công ty được Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp tạm ứng (lần 1) bằng 60% giá trị hợp đồng. Sau khi hoàn thành 60% kết quả thực hiện hợp đồng, công ty tiếp tục được tạm ứng tiếp 30% giá trị hợp đồng. Qua đó, Công ty đã chủ động được kinh phí để điều hành, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn nhận được sự quan tâm của Sở Nông nghiệp & Môi trường, sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh Quảng Ninh; sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của HĐND, UBND phường Đông Triều; chính quyền các địa phương trên địa bàn, các Hợp tác xã sản xuất KDDV nông nghiệp và sự phối hợp, giúp đỡ của các Sở, ban, ngành có liên quan. Chính vì vậy, Công ty đã hoàn thành tốt Mục tiêu tổng quát, kế hoạch kinh doanh năm 2025 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Văn bản 329/UBND-KTTC ngày 11/02/2025; các văn bản chỉ đạo khác của UBND tỉnh; thực hiện tốt các nội dung được ký trong Hợp đồng đặt hàng số 01/2025/HĐ-KT ngày 01/4/2025 giữa Sở Nông nghiệp và Môi trường với Công ty.

**II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.**

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

Trong năm 2025, Công ty không có dự án đầu tư từ nhóm B trở lên. Do đó, Công ty không phải lập tình hình thực hiện dự án theo Biểu số 02 theo quy định.

2. Các khoản đầu tư tài chính: Trong năm 2025, Công ty không có khoản đầu tư tài chính nào.

**III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON.**

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

(Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều được UBND tỉnh Quảng Ninh chuyển đổi từ Công ty Quản lý khai thác công trình thủy lợi Đông Triều từ năm 2009 tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 13/4/2009; Công ty chỉ có một thành viên do UBND tỉnh Quảng Ninh là chủ sở hữu. Vì vậy, Công ty không có mô hình Công ty mẹ và Công ty con. Do đó, Công ty không phải báo cáo theo Bảng số 3 theo quy định.



Trên đây là báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều. Công ty xin báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm Truyền thông tỉnh Quảng Ninh (đơn vị được UBND tỉnh Quảng Ninh ủy quyền) nắm được và đăng tải, công bố thông tin cho Công ty theo quy định tại Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ KH&ĐT (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu Công ty.

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Đặng Văn Tuyên**



**Biểu số 4:**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH VÀ TRÁCH**  
**NHIỆM XÃ HỘI (NẾU CÓ) NĂM 2025**

(Ban hành theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ)

UBND TỈNH QUẢNG NINH  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU  
MST: 5700102341

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 27 /BC-CT

Đông Triều, ngày 25 tháng 2 năm 2026

**I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH.**

| TT  | Chỉ tiêu                                                                           | Đơn vị tính | Kế hoạch  | Thực hiện | Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------|-----------|-------------------------------------|
| 1   | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích thực hiện trong năm                | ha          | 9.777,628 | 9.862,386 | 100,8                               |
| 1.1 | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích đối tượng được hỗ trợ              | ha          | 9.690,628 | 9.690,762 | 100,0                               |
| 1.2 | Khối lượng, sản lượng sản phẩm dịch vụ công ích đối tượng phải thu                 | ha          | 87,0      | 171,624   | 197,2                               |
| 2   | Chi phí phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ công ích thực hiện trong năm | Tỷ đồng     | 31,62     | 31,66     | 100,0                               |
| 3   | Doanh thu thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích trong năm                       | Tỷ đồng     | 31,62     | 31,66     | 100,0                               |

**II. TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA DOANH NGHIỆP.**

**1. Trách nhiệm bảo vệ môi trường.**

Công ty được UBND tỉnh Quảng Ninh giao quản lý, khai thác Công ty được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh giao quản lý, khai thác 20 hồ đập lớn, vừa và nhỏ, với tổng dung tích trữ nước khoảng 35,5 triệu m<sup>3</sup>; 06 trạm bơm tưới, có 18 tổ máy với tổng lưu lượng bơm tưới là 15.376 m<sup>3</sup>/h; 05 trạm bơm tiêu, có 35 tổ máy với tổng lưu lượng bơm tiêu là 149.700 m<sup>3</sup>/h; 01 cống tiêu dưới đê; quản lý gần 137 km kênh tưới, tiêu các loại và các công trình trên kênh như: 20 cống lấy nước dưới đập, 02 cống tháo sâu, 10 cầu máng, 10 xi phông...; Hàng năm phục vụ cấp nước, tưới tiêu cho khoảng 6.054 ha diện tích gieo trồng, tiêu cho 3.869 ha diện tích lưu vực; phục vụ tưới, tiêu cho 05 phường và một số doanh nghiệp; cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp cho các đơn vị trên địa bàn; góp phần quan trọng làm tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đồng thời góp phần phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển.



- Về quản lý và bảo vệ nguồn nước: Đảm bảo chất lượng nước trong các hệ thống thủy lợi như kênh mương, hồ chứa, đập nhằm tránh ô nhiễm nguồn nước.

- Về công tác phòng chống ngập úng: Công tác phòng, chống lụt bão năm 2025, luôn được Công ty quan tâm chỉ đạo và thực hiện. Ngay từ đầu năm, Công ty đã tiến hành kiểm tra đánh giá tổng thể thực trạng an toàn hệ thống công trình và đã có báo cáo gửi cấp trên theo quy định. Công ty đã lập danh mục các hạng mục công trình hư hỏng, xuống cấp có nguy cơ mất an toàn cho công trình; tiến hành sửa chữa các hạng mục công trình xung yếu như: cống dưới đập, tràn xả lũ, cống tiêu dưới đê...; sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị của các trạm bơm tiêu; tổ chức vận hành thử các trạm bơm tiêu, cống tiêu, cống xả lũ của các hồ chứa nước và bố trí đủ vật tư, thiết bị dự phòng, bảo đảm kịp thời sửa chữa, thay thế trong trường hợp có sự cố xảy ra. Thường xuyên theo dõi, cập nhật thông tin dự báo khí tượng thủy văn để có biện pháp phòng tránh kịp thời khi có thiên tai xảy ra. Đảm bảo điều tiết, điều phối nguồn nước một cách hiệu quả, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và cộng đồng.

- Đối với xử lý nước thải và bảo vệ chất lượng môi trường nước: Công ty đã thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc xả chất thải, nước thải vào công trình thủy lợi theo định kỳ và đột xuất tại vị trí xả thải được quy định tại giấy phép; kiểm tra chất lượng nguồn nước thải sau khi đã xử lý vào nguồn nước tiếp nhận; kiểm tra phương thức và lưu lượng xả thải; yêu cầu các đơn vị lập báo cáo tình hình thực hiện các nghĩa vụ của chủ giấy phép theo quy định tại Điều 2 của các giấy phép đã được cấp, gửi báo cáo về Công ty để tổng hợp, theo dõi và báo cáo cho các đơn vị quản lý nhà nước theo đúng quy định.

- Công ty đã ký 02 Hợp đồng: Hợp đồng số 18/2025/HĐ-PTMN ngày 10/02/2025 và Hợp đồng số 71/2025/HĐ-PTMN ngày 18/03/2025 với Doanh nghiệp tư nhân FPD để lấy mẫu và kiểm định chất lượng nước tại các hồ chứa và một số cửa vào trạm bơm (đã kiểm định chất lượng nguồn nước với tần suất 01 lần/tháng). Kết quả: các chỉ tiêu, thông số nguồn nước đảm bảo phục vụ tưới cho sản xuất nông nghiệp, theo QCVN 08:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt ban hành kèm theo Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13/3/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thường xuyên kiểm tra độ mặn của nguồn nước tại bể hút các trạm bơm tưới, sông Đá Vách, Đá Bạc, sông Cẩm, sông Kinh Thầy với tần suất 07 ngày/lần. Thường xuyên cập nhật và đăng tải vào phần mềm giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường lưu lượng khai thác nước của các trạm bơm, hồ chứa nước và lưu lượng nước xả qua tràn của các hồ chứa theo đúng quy định.

- Đối với công tác tuyên truyền và nâng cao ý thức cộng đồng: Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình tuyên truyền, giáo dục về tầm quan trọng bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức về bảo vệ nguồn nước, giảm thiểu chất thải và giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước.



Hàng năm, Công ty luôn phối hợp với các xã, phường trên địa bàn, Công ty Lâm nghiệp Đông Triều để tổ chức trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng khả năng giữ nước cho các hồ chứa; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các phường trên địa bàn tiến hành thả các tại các hồ chứa nước để duy trì và tái tạo nguồn thủy sản, đồng thời cải tạo nguồn nước. Mặt khác, Công ty thực hiện các biện pháp phòng ngừa, xử lý chất thải và ô nhiễm từ các hoạt động nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt trên khu vực thủy lợi. Đồng thời, Công ty phối hợp với các cơ quan chức năng để giám sát và xử lý ô nhiễm, ngăn ngừa tác động tiêu cực đến môi trường nước.

## **2. Trách nhiệm đóng góp cho cộng đồng xã hội.**

Hàng năm, Công ty phục vụ tưới, tiêu cho 05 phường, đã góp phần quan trọng làm tăng năng suất, sản lượng và chất lượng sản phẩm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đồng thời góp phần phòng chống giảm nhẹ thiên tai và thúc đẩy các ngành nghề khác phát triển, đảm bảo an ninh lương thực. Mặt khác, đã giúp nhân dân trong khu vực ổn định cuộc sống, yên tâm phát triển sản xuất; cùng với các địa phương để nâng cấp cơ sở hạ tầng; hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi nội đồng; hoàn chỉnh tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn tiên tiến, nông thôn kiểu mẫu của địa phương, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp...

## **3. Trách nhiệm với nhà cung cấp.**

Căn cứ Hợp đồng Nguyên tắc số 01/2025/HĐ-NT ngày 02/1/2025; Hợp đồng đặt hàng 01/2025/HĐ-KT ngày 01/4/2025 được ký giữa Sở Nông nghiệp & Môi trường Quảng Ninh với Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều "Về việc đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 đối với Công ty TNHH MTV Thủy Lợi Đông Triều Quảng Ninh" đã được UBND tỉnh Quảng Ninh phê duyệt phương án đặt hàng tại Quyết định số 963/QĐ-UBND, ngày 28/3/2025. Công ty đã thực hiện theo đúng các nội dung của Hợp đồng; đảm bảo hoàn thành 100% các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao trong năm 2025; duy trì và bảo toàn nguồn vốn được nhà nước giao; sửa chữa, nâng cấp các công trình thủy lợi, các công trình sau khi được nâng cấp, sửa chữa đều phát huy hiệu quả, mang lại lợi ích dân sinh kinh tế.

## **4. Trách nhiệm bảo đảm lợi ích và an toàn cho người tiêu dùng.**

Công ty luôn cử cán bộ công nhân viên người lao động thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước tại các hồ chứa nước, các trạm bơm tưới, trạm bơm tiêu do Công ty quản lý; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương phường, xã trên địa bàn để xử lý những Doanh nghiệp, tổ chức tập thể, cá nhân làm ảnh hưởng nguồn nước, gây ô nhiễm môi trường nguồn nước, đảm bảo an toàn cho các công trình thủy lợi (đập, hồ chứa, kênh mương, hệ thống thoát nước...) để không gây nguy hiểm cho người dân, đặc biệt là trong mùa mưa lớn, lũ lụt hay các sự cố khác. Hàng năm, Công ty tổ chức các chương trình tuyên truyền các biện pháp phòng ngừa trong mùa mưa lũ để đảm bảo an toàn cho người dân



**5. Trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho cổ đông và người lao động trong doanh nghiệp.**

Hiện tại, tính đến hết năm 2025, tổng số cán bộ công nhân viên, người lao động trong toàn Công ty là 98 người. Trong năm 2025, Công ty đảm bảo chi lương, phụ cấp lương và các khoản đóng BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ hàng tháng theo đúng kế hoạch được duyệt, không có tình trạng nợ đọng lương đối với người lao động; giải quyết kịp thời chế độ ốm đau, thai sản, chế độ hưu trí, nâng lương...; các chế độ phúc lợi khác như nghỉ phép, nghỉ lễ, 100% cán bộ công nhân viên tham gia đóng BHXH.

Trong năm 2025, Công ty luôn quan tâm công tác huấn luyện an toàn lao động và trang thiết bị bảo hộ lao động: Công ty đã hợp đồng với Viện Đào tạo và Hợp tác giáo dục - chi nhánh công ty cổ phần đào tạo phát triển kinh tế để tổ chức 01 lớp huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động năm 2025 cho 85 cán bộ, người lao động, cụ thể: Đối tượng nhóm I: 14 người; đối tượng nhóm IV: 62 người; đối tượng nhóm VI: 09 người. Công ty đã ký Hợp đồng với Trung tâm y tế Đông Triều tổ chức khám sức khỏe cho 93 lao động đảm bảo thực hiện theo quy định, góp phần đánh giá tình trạng sức khỏe của người lao động, phòng ngừa các rủi ro về tai nạn, bệnh nghề nghiệp trong quá trình làm việc, đảm bảo an toàn lao động.



**Đặng Văn Tuyên**



**Biểu số 6:**  
**BÁO CÁO THỰC TRẠNG QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA**  
**DOANH NGHIỆP NĂM 2025**

(Ban hành theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ)

UBND TỈNH QUẢNG NINH  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
THỦY LỢI ĐÔNG TRIỀU  
**MST: 5700102341**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Đông Triều, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Số: 28 /BC-CT

**I. THÔNG TIN VỀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU**

1. Thông tin chung.

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh
- Người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu Cơ quan đại diện chủ sở hữu;
  - + Ông: **Bùi Văn Khăng** - Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh;
  - + Ông: **Vũ Văn Điện** - Chức vụ: Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh.
  - + Ông: **Nguyễn Văn Công** - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Các quyết định có liên quan của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Thông kê các quyết định có liên quan của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Bảng số 1.

**BẢNG SỐ 1: CÁC QUYẾT ĐỊNH CÓ LIÊN QUAN CỦA CƠ QUAN ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU:**

| TT | Số văn bản     | Ngày, tháng, năm | Nội dung (nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)                                                                                     |
|----|----------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Số 51/QĐ-UBND  | 08/01/2025       | V/v công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do UBND tỉnh là cơ quan đại diện CSH năm 2023          |
| 2  | Số 147/QĐ-UBND | 15/01/2025       | V/v phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2024 của Công ty                             |
| 3  | Số 261/QĐ-UBND | 24/01/2025       | V/v nộp ngân sách phần chênh lệch giữa vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ từ việc thanh lý, bồi hoàn tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi |
| 4  | Số 442/QĐ-UBND | 21/02/2025       | V/v quy định giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh                              |



|    |                 |            |                                                                                                                                                                                                                                   |
|----|-----------------|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5  | Số 912/QĐ-UBND  | 26/3/2025  | V/v giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi cho các Công ty MTV Thủy lợi: Đông Triều, Yên Lập, Miền Đông quản lý, sử dụng và khai thác                                                                                              |
| 6  | Số 963/QĐ-UBND  | 28/03/2025 | V/v phê duyệt phương án đặt hàng công tác quản lý, khai thác công trình và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 đối với Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh                                          |
| 7  | Số 1371/QĐ-UBND | 05/05/2025 | V/v đánh giá, xếp loại Chủ tịch, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV do UBND tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần có vốn góp của UBND tỉnh năm 2023                            |
| 8  | Số 1635/QĐ-UBND | 26/5/2025  | V/v phê duyệt Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh                                                                                                      |
| 9  | Số 1727/QĐ-UBND | 30/5/2025  | V/v giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động năm 2025 cho các doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước do UBND tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu |
| 10 | Số 1935/QĐ-UBND | 12/6/2025  | Phê duyệt phương án bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Tân Yên, xã Hồng Thái Đông, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                         |
| 11 | Số 1935/QĐ-UBND | 12/6/2025  | Phê duyệt phương án bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Yên Dường, xã Hồng Thái Đông, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                       |
| 12 | Số 1937/QĐ-UBND | 12/6/2025  | Phê duyệt phương án bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Khe Chè, xã An Sinh, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                                |
| 13 | Số 1940/QĐ-UBND | 12/6/2025  | Phê duyệt phương án bảo vệ công trình đập, hồ chứa nước Trại Lốc 1, xã An Sinh, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                             |
| 14 | Số 2103/QĐ-UBND | 20/6/2025  | V/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh theo kiến nghị của Thanh tra Bộ Tài chính tại Kết luận thanh tra số 646/KL-TTr ngày 16/6/2023                              |



|    |                 |            |                                                                                                                                                                                                                   |
|----|-----------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 15 | Số 2568/QĐ-UBND | 04/7/2025  | V/v phê duyệt đề cương và dự toán kiểm định an toàn đập hồ chứa nước Đồng Đò 2, phường Bình Khê, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                  |
| 16 | Số 3085/QĐ-UBND | 06/8/2025  | V/v công bố kết quả xếp loại doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do UBND tỉnh là cơ quan đại diện CSH năm 2024                                                                                      |
| 17 | Số 4164/QĐ-UBND | 01/11/2025 | Phê duyệt Phương án bảo vệ công trình trạm bơm tiêu Đạm Thủy, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                                  |
| 18 | Số 4345/QĐ-UBND | 14/11/2025 | Giấy phép khai thác nước mặt công trình hồ Nội Hoàng tại phường Hoàng Quế, tỉnh Quảng Ninh của Công ty TNHH MTV thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh                                                                    |
| 19 | Số 4416/QĐ-UBND | 19/11/2025 | V/v phê duyệt Kế hoạch bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi năm 2026 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều                                                                                                 |
| 20 | Số 4540/QĐ-UBND | 30/11/2025 | V/v đánh giá, xếp loại Chủ tịch, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV do Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần có vốn góp của UBND tỉnh năm 2024 |
| 21 | Số 4594/QĐ-UBND | 03/12/2025 | V/v phê duyệt Phương án bảo vệ công trình trạm bơm tiêu Hồng Phong, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                            |
| 22 | Số 4611/QĐ-UBND | 04/12/2025 | V/v phê duyệt Phương án bảo vệ công trình trạm bơm tiêu Kim Sơn, phường Mạo Khê, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                                  |
| 23 | Số 4615/QĐ-UBND | 05/12/2025 | V/v phê duyệt Phương án bảo vệ công trình trạm bơm tiêu Đức Chính, phường Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh                                                                                                             |
| 24 | Số 4715/QĐ-UBND | 10/12/2025 | V/v phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025 của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh                                                                 |
| 25 | Số 4935/QĐ-UBND | 25/12/2025 | V/v giao nhiệm vụ, chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026                                                                                                                                         |



## II. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

1. Danh sách người quản lý doanh nghiệp: Liệt kê thông tin cụ thể theo Bảng số 2.

**BẢNG SỐ 2: DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

| TT | Họ và tên           | Năm sinh | Trình độ chuyên môn                                                  | Kinh nghiệm nghề nghiệp | Các vị trí quản lý đã nắm giữ                                                                                                   |
|----|---------------------|----------|----------------------------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Đặng Văn Tuyên      | 1976     | -Thạc sỹ quản lý kinh tế<br>- Kỹ sư thủy lợi<br>- Cử nhân luật       | 29 năm                  | - Trưởng phòng kỹ thuật;<br>- P. Giám đốc công ty;<br>- Giám đốc công ty.                                                       |
| 2  | Vũ Minh Thành       | 1974     | -Thạc sỹ quản lý xây dựng<br>- Kỹ sư thủy lợi                        | 31 năm                  | - Trưởng phòng kỹ thuật;<br>- Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính;<br>- Phó Giám đốc Công ty.                                     |
| 3  | Nguyễn Hải Hà       | 1989     | - Thạc sỹ chuyên ngành kỹ thuật - tài nguyên nước<br>-Kỹ sư thủy lợi | 13 năm                  | - Phó Trưởng phòng Kỹ thuật<br>- Trưởng phòng kỹ thuật;<br>- Phó Giám đốc Công ty                                               |
| 4  | Nguyễn Văn Kiên     | 1978     | Cử nhân kinh tế                                                      | 25 năm                  | - CB Tài chính, phường Kim Sơn;<br>- Kế toán trưởng Công ty (tháng 01/2024)<br>- Kiểm soát viên chuyên trách (từ tháng 02/2024) |
| 5  | Nguyễn Thị Kim Loan | 1985     | Cử nhân Kế toán                                                      | 19 năm                  | - Phụ trách kế toán Công ty<br>- Kế toán trưởng Công ty                                                                         |

2. Tiền lương, thù lao và lợi ích khác của người quản lý doanh nghiệp.

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác của từng người quản lý doanh nghiệp theo Bảng số 3.



**BẢNG SỐ 3: TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP***(Đơn vị tính: Đồng)*

| TT | Họ và tên           | Chức vụ                     | Mức lương  | Tiền lương/năm | Tiền thưởng, thu nhập khác |
|----|---------------------|-----------------------------|------------|----------------|----------------------------|
| 1  | Đặng Văn Tuyên      | Chủ tịch Công ty            | 27.000.000 | 318.807.692    | 6.000.000                  |
| 2  | Vũ Minh Thành       | Giám đốc Công ty            | 21.000.000 | 307.269.718    | 55.711.962                 |
| 3  | Nguyễn Hải Hà       | Phó Giám đốc                | 19.000.000 | 280.215.689    | 60.194.378                 |
| 4  | Nguyễn Thị Kim Loan | Kế toán trưởng              | 18.000.000 | 289.916.238    | 17.520.000                 |
| 5  | Nguyễn Văn Kiên     | Kiểm soát viên chuyên trách | 23.000.000 | 276.000.000    | 6.000.000                  |

3. Hoạt động của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.

Thông tin về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Hội đồng quản trị liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đầu thầu, mua sắm tài sản... theo Bảng số 4.

**BẢNG SỐ 4: CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN/HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ HOẶC CHỦ TỊCH CÔNG TY**

| TT | Số văn bản    | Ngày       | Người ký, ban hành | Nội dung<br><i>(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)</i> |
|----|---------------|------------|--------------------|-------------------------------------------------------------|
| 1  | Số 02/NQ-CTCT | 02/01/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 01.  |
| 2  | Số 03/NQ-CTCT | 08/02/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 02.  |
| 3  | Số 04/NQ-CTCT | 03/03/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 03.  |
| 4  | Số 05/NQ-CTCT | 01/4/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 04.  |
| 5  | Số 06/NQ-CTCT | 02/5/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 05.  |



| TT | Số văn bản      | Ngày       | Người ký, ban hành | Nội dung<br>(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)                                                                            |
|----|-----------------|------------|--------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6  | Số 07/NQ-CTCT   | 31/5/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 06.                                                                      |
| 7  | Số 08/NQ-CTCT   | 29/6/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 7.                                                                       |
| 8  | Số 09/NQ-CTCT   | 30/7/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 8.                                                                       |
| 9  | Số 10/NQ-CTCT   | 30/8/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 9.                                                                       |
| 10 | Số 11/NQ-CTCT   | 30/9/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 10                                                                       |
| 11 | Số 12/NQ-CTCT   | 01/11/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 11.                                                                      |
| 12 | Số 13/NQ-CTCT   | 01/12/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ của Công ty tháng 12.                                                                      |
| 13 | Số 01/QĐ-CTTLĐT | 08/01/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định về việc Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều năm 2025. |
| 14 | Số 10/QĐ-CTTLĐT | 21/01/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều.                                          |
| 15 | Số 24/QĐ-CTTLĐT | 14/02/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định phê duyệt mục tiêu tổng quát, kế hoạch kinh doanh năm 2025 của Công ty.                                              |
| 16 | Số 30/QĐ-CTTLĐT | 21/02/2025 | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định về việc thành lập Ban chỉ huy phòng, chống hạn hán, thiếu nước năm 2025.                                             |



| TT | Số văn bản       | Ngày       | Người ký, ban hành | Nội dung<br>(nêu tóm tắt nội dung chính của văn bản)                                                                                                                                                               |
|----|------------------|------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 17 | Số 39/QĐ-CTCT    | 03/3/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng lao động năm 2025.                                                                                                                                                   |
| 18 | Số 97/QĐ-CTTLĐT  | 17/4/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định về việc thành lập đội xung kích Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều Quảng Ninh.                                                                                                                        |
| 19 | Số 123/QĐ-CTTLĐT | 29/4/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định về việc thành lập Ban Chỉ huy phòng, chống lụt, bão năm 2025.                                                                                                                                           |
| 20 | Số 127/QĐ-CTTLĐT | 03/5/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định về việc phân công nhiệm vụ phụ trách công tác phòng, chống ngập úng, mưa, bão năm 2025.                                                                                                                 |
| 21 | Số 131/QĐ-CTCT   | 19/5/2025  | Đặng Văn Tuyên     | Quyết định về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương, quy chế chi trả tiền lương, tiền thưởng áp dụng đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên và người lao động của Công ty TNHH MTV Thủy lợi Đông Triều. |
| 22 | Số 242/QĐ-CTTLĐT | 12/12/2025 | Đặng Văn Tuyên     | V/v phê duyệt Chiến lược phát triển giai đoạn 2026-2030, Kế hoạch sản xuất kinh doanh và Đầu tư phát triển 05 năm (2026-2030)                                                                                      |
| 23 | Số 241/QĐ-CTTLĐT | 12/12/2025 | Đặng Văn Tuyên     | V/v phê duyệt kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2026                                                                                                                                                               |

### III. BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

#### 1. Thông tin về Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.



**BẢNG SỐ 5: DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

| TT | Họ và tên            | Năm sinh | Trình độ chuyên môn         | Chức vụ                           | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Tỷ lệ tham dự họp |
|----|----------------------|----------|-----------------------------|-----------------------------------|--------------------------------|-------------------|
| 1  | Nguyễn Thị Hồng Thao | 1980     | Cử nhân Quản trị kinh doanh | Kiểm soát viên không chuyên trách | 29/5/2017 đến ngày 31/01/2024  | 100%              |
| 2  | Nguyễn Văn Kiên      | 1978     | Cử nhân kinh tế             | Kiểm soát viên chuyên trách       | 01/02/2024                     | 100%              |

**2. Các báo cáo của Ban kiểm soát và Kiểm soát viên.**

| TT | Số văn bản          | Ngày tháng | Nội dung văn bản                                                                                       |
|----|---------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Số 02/CTCT-KSV/TLĐT | 18/02/2025 | Chương trình công tác của Kiểm soát viên năm 2025                                                      |
| 2  | Số 21/BC-KSV        | 10/02/2025 | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 1/2025      |
| 3  | Số 32/BC-KSV        | 06/03/2025 | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 2/2025      |
| 4  | Số 57/BC-KSV        | 11/4/2025  | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 3/2025      |
| 5  | Số 78/BC-KSV        | 05/5/2025  | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 4/2025      |
| 6  | Số 74/BC-KSV        | 23/4/2025  | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng Quý I/2025  |
| 7  | Số 85/BC-KSV        | 06/6/2025  | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 5/2025      |
| 8  | Số 93/BC-KSV        | 09/7/2025  | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 6/2025      |
| 9  | Số 112/BC-KSV       | 11/8/2025  | Báo cáo thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2025                                              |
| 10 | Số 97/BC-KSV        | 17/7/2025  | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng Quý II/2025 |



|    |               |            |                                                                                                         |
|----|---------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 11 | Số 110/BC-KSV | 08/8/2025  | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 7/2025       |
| 12 | Số 107/BC-KSV | 29/7/2025  | Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát 6 tháng đầu năm 2025.                             |
| 13 | Số 115/BC-KSV | 09/9/2025  | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 8/2025       |
| 14 | Số 128/BC-KSV | 10/10/2025 | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 9/2025       |
| 15 | Số 230/BC-KSV | 15/10/2025 | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng Quý III/2025 |
| 16 | Số 137/BC-KSV | 06/11/2025 | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 10/2025      |
| 17 | Số 148/BC-KSV | 01/12/2025 | Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, giám sát tài chính tháng 11/2025      |

#### IV. BÁO CÁO KẾT LUẬN CỦA CƠ QUAN THANH TRA

#### V. THÔNG TIN VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

1. Danh sách Người có liên quan của doanh nghiệp.

**BẢNG SỐ 6: DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA DOANH NGHIỆP**

| TT | Tên tổ chức, cá nhân | Chức vụ (nếu có) | Địa chỉ trụ sở chính/ địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không còn là người có liên quan | Lý do không còn là người liên quan |
|----|----------------------|------------------|---------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|
| 1  |                      |                  |                                       |                                         |                                           |                                    |
| 2  |                      |                  |                                       |                                         |                                           |                                    |

2. Thông tin về giao dịch với các bên có liên quan.



**BẢNG SỐ 7: THỐNG KÊ VỀ CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

| STT | Tên tổ chức,<br>cá nhân                          | Thời điểm<br>giao dịch | Nội dung giao dịch                                                                                 | Giá trị<br>giao dịch | Số<br>NQ/QĐ<br>của<br>HĐTV/H<br>ĐQT/ĐH<br>ĐCĐ<br>thông<br>qua |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                              | (3)                    | (4)                                                                                                | (5)                  | (6)                                                           |
| 1   | HTX SXKD<br>DVNN Hồng<br>Phong                   | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 2.163.172.530        |                                                               |
| 2   | HTX SXKD<br>DVNN Độc<br>Lập phường<br>Đồng Triều | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 773.367.088          |                                                               |
| 3   | HTX SXKD<br>DVNN Đức<br>Chính                    | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 2.397.145.762        |                                                               |
| 4   | HTX SXKD<br>DVNN Trảng<br>An                     | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 2.409.827.946        |                                                               |
| 5   | HTX SXKD<br>DVNN Xuân<br>Sơn                     | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 1.338.039.040        |                                                               |
| 6   | HTX SXKD<br>DVNN Kim<br>Sơn                      | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 1.158979.680         |                                                               |
| 7   | HTX SXKD<br>DVNN Bình<br>Dương                   | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 3.390.404.563        |                                                               |
| 8   | HTX SXKD<br>DVNN Thủy<br>An                      | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 1.258.257.247        |                                                               |



| STT | Tên tổ chức,<br>cá nhân            | Thời điểm<br>giao dịch | Nội dung giao dịch                                                                                 | Giá trị<br>giao dịch | Số<br>NQ/QĐ<br>của<br>HĐTV/H<br>ĐQT/ĐH<br>ĐCĐ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                | (3)                    | (4)                                                                                                | (5)                  | (6)                                                           |
| 9   | HTX SXKD<br>DVNN Tân<br>Việt       | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 1.915.587.432        |                                                               |
| 10  | HTX SXKD<br>DVNN Bình<br>Khê       | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 3.673.052.254        |                                                               |
| 11  | HTX SXKD<br>DVNN An<br>Sinh        | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 2.209.331.514        |                                                               |
| 12  | HTX SXKD<br>DVNN Vĩnh<br>Thắng     | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 500.244.996          |                                                               |
| 13  | HTX SXKD<br>DVNN Hoàng<br>Quốc     | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 1.076.038.528        |                                                               |
| 14  | HTX SXKD<br>DVNN Hồng<br>Thái Tây  | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 1.373.951.604        |                                                               |
| 15  | HTX SXKD<br>DVNN Hồng<br>Thái Đông | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 2.174.344.218        |                                                               |
| 16  | HTX SXKD<br>DVNN<br>Nguyễn Huệ     | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 759.509.060          |                                                               |
| 17  | HTX SXKD<br>DVNN Trảng<br>Lương    | năm 2025               | HĐ về việc sử dụng dịch<br>vụ cấp nước tưới, tiêu<br>nước phục vụ sản xuất<br>nông nghiệp năm 2025 | 1.286.609.280        |                                                               |



| STT | Tên tổ chức, cá nhân                            | Thời điểm giao dịch | Nội dung giao dịch                                                                                                          | Giá trị giao dịch | Số NQ/QĐ của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua |
|-----|-------------------------------------------------|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------|
| (1) | (2)                                             | (3)                 | (4)                                                                                                                         | (5)               | (6)                                    |
| 18  | Công ty Cổ phần nông trường Đông Triều          | năm 2025            | HĐ về việc sử dụng dịch vụ cấp nước tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025                                   | 75.548.536        |                                        |
| 19  | HTX SXKD DVNN Việt Dân                          | năm 2025            | HĐ về việc sử dụng dịch vụ cấp nước tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025                                   | 708.929.000       |                                        |
| 20  | HTXSXKD DVNN Hưng Đạo                           | năm 2025            | HĐ về việc sử dụng dịch vụ cấp nước tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025                                   | 193.115.000       |                                        |
| 21  | Công ty TNHH ĐTSX phát triển nông nghiệp Wineco | năm 2025            | HĐ về việc sử dụng dịch vụ cấp nước tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025                                   | 66.829.920        |                                        |
| 22  | Hợp tác xã Dược liệu xanh Đông Triều            | năm 2025            | HĐ về việc sử dụng dịch vụ cấp nước tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025                                   | 8.820.000         |                                        |
| 23  | Công ty Than Uông Bí - TKV                      | năm 2025            | HĐ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác để phục vụ phun sương dập bụi, cứu hỏa và tưới đường tại khu mỏ Trảng Bạch      | 163.726.920       |                                        |
| 24  | Công ty TNHH liên doanh gốm xây dựng Hoàng Quế  | năm 2025            | HĐ cung cấp nước thô phục vụ sản xuất và vệ sinh công nghiệp                                                                | 2.252.040         |                                        |
| 25  | Công ty TNHH Mira TAV                           | năm 2025            | HĐ cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác để phục vụ phòng cháy, chữa cháy, tưới cây xanh, lọc nước và vệ sinh môi trường | 7.056.000         |                                        |



| STT | Tên tổ chức,<br>cá nhân                                    | Thời điểm<br>giao dịch | Nội dung giao dịch                                                                                                                  | Giá trị<br>giao dịch | Số<br>NQ/QĐ<br>của<br>HĐTV/H<br>ĐQT/ĐH<br>ĐCĐ<br>thông<br>qua |
|-----|------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                                        | (3)                    | (4)                                                                                                                                 | (5)                  | (6)                                                           |
| 26  | Công ty Cổ<br>phân 397                                     | năm 2025               | Hợp đồng quản lý, vận<br>hành hệ thống trạm bơm<br>Đầm Trũng, xã Hồng Thái<br>Tây, thị xã Đông Triều<br>năm 2025                    | 2.043.759.300        |                                                               |
| 27  | Sở Nông<br>nghiệp và phát<br>triển nông thôn<br>Quảng Ninh | năm 2025               | Hợp đồng đặt hàng công tác<br>quản lý, khai thác công trình<br>thủy lợi cung cấp sản phẩm,<br>dịch vụ công ích thủy lợi<br>năm 2025 | 37.651.442.000       |                                                               |
| 28  | DNTN- Trung<br>tâm phân tích<br>FPD                        | năm 2025               | HD phân tích chất lượng<br>nước tại các công trình<br>thủy lợi do Công ty quản<br>lý                                                | 348.632.822          |                                                               |
| 29  | Công ty<br>TNHH MTV<br>xây dựng Ngọc<br>Cường              | năm 2025               | HD Sửa chữa đoạn kênh<br>chính hồ chứa nước Đá<br>Trắng sau Xi phong nhựa<br>HDPE (Đoạn từ Km00 đến<br>Km0+120)                     | 163.529.000          |                                                               |
| 30  | Công ty<br>TNHH MTV<br>xây dựng Ngọc<br>Cường              | năm 2025               | Nạo vét cửa vào cống lấy<br>nước và làm cửa xả cát tại<br>trần hồ chứa nước Linh<br>Sơn                                             | 204.830.000          |                                                               |
| 31  | Công ty<br>TNHH Ngọc<br>Thái                               | năm 2025               | Sửa chữa 04 cống trên<br>kênh tiêu Kim Sơn                                                                                          | 254.995.000          |                                                               |
| 32  | Công ty<br>TNHH MTV<br>xây dựng Ngọc<br>Cường              | năm 2025               | Sửa chữa giàn đỡ máy đo<br>mực nước tự động do<br>Công ty quản lý                                                                   | 85.382.000           |                                                               |
| 33  | Công ty<br>TNHH MTV<br>xây dựng Ngọc<br>Cường              | năm 2025               | Sửa chữa tường rào trạm<br>bơm Xuân Sơn và Bình<br>Sơn                                                                              | 188.000.000          |                                                               |



| STT | Tên tổ chức, cá nhân                                                                                                                     | Thời điểm giao dịch | Nội dung giao dịch                                                                                                                                       | Giá trị giao dịch | Số NQ/QĐ của HĐTV/HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------|
| (1) | (2)                                                                                                                                      | (3)                 | (4)                                                                                                                                                      | (5)               | (6)                                    |
| 34  | Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Thương mại HDT Hạ Long;<br>Công ty TNHH MTV xây dựng Ngọc Cường và Công ty Cổ phần chế tạo bơm Hải Dương | năm 2025            | Hợp số 60/2025/HĐ-XL ngày 05/5/2025 (cải tạo trạm bơm tiêu Việt Dân 2 thành tưới tiêu kết hợp và lắp đặt đường ống HDPE thay thế trạm bơm tưới Đạm Thủy) | 7.123.551.000     |                                        |
| 35  | Công ty TNHH MTV xây dựng Ngọc Cường                                                                                                     | năm 2025            | Vớt bèo tây trong lòng kênh trạm bơm tiêu Đạm Thủy, Hồng Phong, Đức Chính và Việt Dân                                                                    | 160.033.000       |                                        |
| 36  | Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghiệp Sơn Huy                                                                                             | năm 2025            | Sửa chữa, tầm sấy động cơ máy bơm các trạm bơm tiêu: Hồng Phong, Đạm Thủy 2, Việt Dân 2, Đức Chính và Kim Sơn, thành phố Đông Triều                      | 478.557.000       |                                        |
| 37  | Công ty TNHH xây dựng và thương mại Bình Minh ĐT                                                                                         | năm 2025            | HĐ mua bàn, ghế, tủ tài liệu                                                                                                                             | 161.950.000       |                                        |
| 38  | Trung tâm DV và TM in ấn – TBVP máy tính Thế Anh                                                                                         | năm 2025            | HĐ mua máy photo                                                                                                                                         | 157.000.000       |                                        |
| 39  | Công ty TNHH Du lịch và dịch vụ Kỳ quan Hạ Long                                                                                          | năm 2025            | Hợp đồng du lịch                                                                                                                                         | 517.881.000       |                                        |



| STT | Tên tổ chức,<br>cá nhân                                                 | Thời điểm<br>giao dịch | Nội dung giao dịch                                                                                                                     | Giá trị<br>giao dịch | Số<br>NQ/QĐ<br>của<br>HĐTV/H<br>ĐQT/ĐH<br>ĐCĐ<br>thông<br>qua |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                                                     | (3)                    | (4)                                                                                                                                    | (5)                  | (6)                                                           |
| 40  | Trung tâm Đào tạo và chuyển giao công nghệ kỹ thuật- Công nghệ Thủy lợi | năm 2025               | Hợp đồng giảng dạy lớp an toàn đập và đào tạo, bồi dưỡng nâng bậc nghề                                                                 | 115.896.800          |                                                               |
| 41  | Viện kỹ thuật công trình                                                | năm 2025               | HĐTV khảo sát địa hình, lập báo cáo KTKT công trình Cải tạo trạm bơm tiêu Việt Dân 2                                                   | 322.003.000          |                                                               |
| 42  | Bùi Thị Mai Lan                                                         | năm 2025               | HĐ mua bảo hộ lao động năm 2025                                                                                                        | 80.945.000           |                                                               |
| 43  | Công ty TNHH Chế tạo và thiết bị Thủy lợi An Vũ                         | năm 2025               | HĐ mua vật tư, máy đóng mỏ V0, V1                                                                                                      | 64.255.000           |                                                               |
| 44  | HTX SXKD DVNN Yên Đức                                                   | năm 2025               | Tư vấn khảo sát địa hình, lập BCKTKT công trình nạo vét kênh mương và đắp đất bờ vùng tiêu chính phục vụ sản xuất nông nghiệp năm 2025 | 62.915.000           |                                                               |
| 45  | Trung tâm y tế Đông Triều                                               | năm 2025               | HĐ khám sức khỏe định kỳ                                                                                                               | 55.119.500           |                                                               |
| 46  | Công ty TNHH MTV xây dựng Ngọc Cường                                    | năm 2025               | Sửa chữa đoạn kênh chính hồ chứa nước Bến Châu (Đoạn từ Km00 đến Km0+205 và đoạn từ Km5+578 đến Km5+678)                               | 438.302.000          |                                                               |
| 47  | Công ty TNHH MTV xây dựng Ngọc Cường                                    | năm 2025               | Sửa chữa đoạn kênh chính hồ chứa nước Nhà Bò (Đoạn từ Km0+315 đến Km0+357)                                                             | 94.322.000           |                                                               |



| STT | Tên tổ chức,<br>cá nhân                            | Thời điểm<br>giao dịch | Nội dung giao dịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Giá trị<br>giao dịch | Số<br>NQ/QĐ<br>của<br>HĐTV/H<br>ĐQT/ĐH<br>ĐCĐ<br>thông<br>qua |
|-----|----------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                                                | (3)                    | (4)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | (5)                  | (6)                                                           |
| 48  | Công ty<br>TNHH MTV<br>xây dựng Ngọc<br>Cường      | năm 2025               | Sửa chữa đoạn kênh KC2<br>hồ chứa nước Khe Chè<br>(Đoạn từ Km0+461 đến<br>Km0+576 và đoạn từ<br>Km0+837 đến Km1+57)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 493.166.000          |                                                               |
| 49  | Công ty<br>TNHH MTV<br>xây dựng Ngọc<br>Cường      | năm 2025               | Sửa chữa khắc phục sự cố<br>vỡ kênh KC2 trạm bơm<br>tưới Bình Sơn (Đoạn từ<br>Km0+195 đến Km0+215)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 941.159.000          |                                                               |
| 50  | Công ty<br>TNHH MTV<br>xây dựng Ngọc<br>Cường      | năm 2025               | Sửa chữa mái thượng lưu<br>đập hồ Đập Làng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 731.556.000          |                                                               |
| 51  | Công ty Cổ<br>phần 397                             | năm 2025               | Cung cấp nước tưới<br>đường, đập bụi khai trường<br>khai thác lộ thiên mỏ Nam<br>Tràng Bạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 52.720.080           |                                                               |
| 52  | Trung tâm<br>Cung ứng dịch<br>vụ phường An<br>Sinh | năm 2025               | Tư vấn khảo sát địa hình,<br>lập báo cáo KTKT dự án:<br>Đường bê tông nội đồng xứ<br>Đồng Tranh, khu Tân lập,<br>phường An Sinh; Hạng<br>mục: Tuyến đường từ thửa<br>đất nông nghiệp nhà ông<br>Quyền ( Số 285- Tờ 19) đến<br>đầu đường bê tông thửa đất<br>nông nghiệp nhà bà Thanh<br>(số 205- Tờ 13); tuyến<br>đường từ thửa đất nông<br>nghiệp nhà Thúy Ngạn (Số<br>243-Tờ 19) đến thửa đất<br>nông nghiệp nhà Thịnh<br>Tròn (số 216-Tờ 19) | 78.703.000           |                                                               |



| STT | Tên tổ chức,<br>cá nhân        | Thời điểm<br>giao dịch | Nội dung giao dịch                                                                                                                                                           | Giá trị<br>giao dịch | Số<br>NQ/QĐ<br>của<br>HĐTV/H<br>ĐQT/ĐH<br>ĐCĐ<br>thông<br>qua |
|-----|--------------------------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------|
| (1) | (2)                            | (3)                    | (4)                                                                                                                                                                          | (5)                  | (6)                                                           |
| 53  | HTX SXKD<br>DVNN Hưng<br>Đạo   | năm 2025               | tư vấn khảo sát địa hình,<br>lập báo cáo kinh tế kỹ<br>thuật công trình: Nạo vét<br>các tuyến kênh tiêu Hợp<br>tác xã sản xuất kinh doanh<br>dịch vụ nông nghiệp Hưng<br>Đạo | 25.597.000           |                                                               |
| 54  | HTX SXKD<br>DVNN<br>Nguyễn Huệ | năm 2025               | tư vấn khảo sát địa hình,<br>lập báo cáo kinh tế kỹ<br>thuật công trình: Sửa chữa,<br>nâng cấp tuyến mương từ<br>Bờ Nụ đi Đồng Uóp                                           | 23.310.000           |                                                               |

#### VI. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

- Tổng số lao động của doanh nghiệp: 98 người
- Mức lương trung bình người lao động/năm : 166,3 triệu đồng
- Tiền thưởng, thu nhập khác của người lao động/người/năm: 4,0 triệu đồng

**CHỦ TỊCH CÔNG TY**



**Đặng Văn Tuyên**